
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
HANOI PLASTICS JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024
ANNUAL REPORT 2024

MỤC LỤC/ TABLE OF CONTENTS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION	3
1. Thông tin khái quát/Summary information	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Industry and location	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and management structure	8
4. Định hướng phát triển/ Development Direction	17
5. Các rủi ro/ Risks	18
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/ PERFORMANCE STATUS	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Production and business performance	20
2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Personnel	23
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment and projects situation	30
4. Tình hình tài chính/ Financial situation	33
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders' Structure, changes in Owner's equity	34
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report on the company's environmental and social impact	37
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH/ REPORT AND ASSESSMENT OF THE EXECUTIVE BOARD	45
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of production and business performance results	45
2. Tình hình tài chính/ Financial Situation	45
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in Organizational Structure, Policies, and Management Practices	46
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Future Development Plans	47
5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ Explanation of the Board of Directors regarding the audit opinion (if needed)	48
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment report related to the company's environmental and social responsibility	48
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ ASSESSMENT ON THE COMPANY'S OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTOR	50
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessment of the Board of Director on the Company's activities, which includes assessment related in environmental and social responsibility	50
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành công ty/ Assessment of the Board of Directors on the Company Executive Board's activities	50
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ The Board of Directors' plans and direction	51
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ COMPANY GOVERNANCE	51

1.	Hội đồng quản trị/ <i>Board of Directors</i>	51
2.	Ban kiểm soát/ <i>Board of Supervisors</i>	54
3.	Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát/ <i>Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, Executive Board and Supervisory Board</i>	54
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ <i>FINANCIAL REPORT</i>		56

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

I. Thông tin khái quát/Summary information

- Tên giao dịch/Trading name: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội/ Hanoi Plastics Joint stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Business registration certificate number: 0100100858
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 728.800.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's equity: 728.800.000.000 VNĐ
- Địa chỉ/ Address: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội/ Group 12, Phuc Loi Ward, Long Bien District, Hanoi
- Số điện thoại/ Telephone: 0243.8756889
- Số fax/ Fax number: 0243.8756884
- Website: hanoiplastics.com.vn
- Mã cổ phiếu/ Ticker: NHH
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)/ Formation and development process (establishment date, listing date, important milestones since establishment until now).
- + Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội/ Hanoi Plastics JSC, formerly known as Hanoi Plastics Factory under the Hanoi Department of Industry, was established in accordance with Decision No. 126/QD/UB-CN of the Hanoi City People's Committee on January 24th, 1972;
- + Ngày 10/8/1993, Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công Nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội /On August 10th, 1993, Hanoi Plastics Factory was changed into Hanoi Plastics Company under the Hanoi Department of Industry according to Decision No. 2977/QD-UB of Hanoi City People's Committee;
- + Ngày 08/8/2005, Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội theo Quyết định số 126/2005/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội/ On August 8th, 2005, Hanoi Plastics Company was transformed into Hanoi Plastics State-owned One Member Limited Liability Company according to Decision No. 126/2005/QD-UB of Hanoi City People's Committee;
- + Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới Công ty Nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2007-2010, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/9/2008 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007 Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội/ In line with the Government's policy on the restructuring and reform of State-owned enterprises under the Hanoi People's Committee for the 2007–2010 period, the Hanoi People's Committee issued Decision No. 761/QĐ-UBND dated September 16, 2008, on the transformation of Hanoi Plastics State-owned One Member Limited Liability Company into Hanoi Plastics Joint Stock Company. On December 27, 2007, the Company conducted its initial public offer (IPO) at the Hanoi Stock Exchange.

- + Ngày 30/10/2008, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với Vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng, trong đó Vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 81,71% vốn điều lệ; *On October 30, 2008, the Company officially converted into a joint stock company under Enterprise Registration Certificate No. 0103027615 (now changed to No. 0100100858) issued for the first time by the Hanoi Department of Planning and Investment on October 31, 2008, with charter capital of VND 65,000,000,000, of which State-owned capital accounted for VND 53,112,000,000, representing 81.71% of the charter capital;*
- + Ngày 25/4/2017 Công ty trở thành công ty đại chúng (theo công văn số 2233/UBCK-GSDC ngày 25/4/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)/ *On April 25th, 2017, the Company became a public company (according to Official Dispatch No. 2233/UBCK-GSDC dated April 25th, 2017 of the State Securities Commission);*
- + Ngày 08/9/2017 cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/ *On September 8, 2017, the shares of Hanoi Plastics Joint Stock Company, with stock code NHH, were officially listed on the UpCOM market of the Hanoi Stock Exchange.*
- + Ngày 12/12/2019 cổ phiếu NHH đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)/ *On December 12, 2019, NHH shares were officially traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).*
- + Ngày 13/12/2017 UBND Thành phố Hà Nội - Chủ sở hữu 5.311.200 cổ phần tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty bằng hình thức khớp lệnh trên sàn Upcom/ *On December 13, 2017, the Hanoi People's Committee — owner of 5,311,200 shares in Hanoi Plastics Joint Stock Company — divested 100% of the State capital invested in the Company through matching orders on the UpCOM market.*
- + Ngày 13/02/2019, Công ty phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu thay đổi vốn điều lệ là 168.000.000.000 đồng/ *On February 13, 2019, the Company issued additional shares to existing shareholders and issued bonus shares from owner's equity, increasing its charter capital to VND 168,000,000,000.*
- + Ngày 12/08/2019, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 344.400.000.000 đồng./ *On August 12, 2019, the Company completed the issuance of bonus shares to employees under its Employee Stock Ownership Plan (ESOP) and increased its charter capital from owner's equity, raising its charter capital to VND 344,400,000,000.*
- + Ngày 03/12/2020 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 364.400.000.000 đồng./ *On December 3, 2020, the Company completed an issuance of 2,000,000 shares to existing shareholders, raising its charter capital to VND 364,400,000,000.*
- + Ngày 03/6/2022 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 36.440.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 728.800.000.000 đồng./ *On June 3, 2022, the Company completed another issuance of 36,440,000 shares to existing shareholders, raising its charter capital to VND 728,800,000,000.*
- + Ngày 21/12/2017 Công ty TNHH một thành viên Cadivi Đồng Nai trở thành nhà đầu tư lớn của NHH chiếm 21,89%/VĐL và đến ngày 11/7/2018 thì tỷ lệ nắm giữ được nâng lên thành 51,86%/VĐL, đến ngày 27/11/2018 Công ty TNHH một thành viên Cadivi Đồng Nai đã thực

hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu tại NHH và không còn là cổ đông của NHH./ *On December 21, 2017, Cadivi Dong Nai One Member Limited Liability Company became a major shareholder of NHH, holding 21.89% of the charter capital, and by July 11, 2018, this holding was increased to 51.86%. However, on November 27, 2018, Cadivi Dong Nai One Member Limited Liability Company transferred all its shares in NHH and was no longer a shareholder.*

- + Ngày 27/11/2018 Công ty CP tập đoàn An phát Holdings thực hiện giao dịch mua 3.200.000 cổ phiếu của NHH và chính thức trở thành cổ đông lớn của NHH (chiếm 49,23%/VĐL). Từ ngày 06/11/2019 đến 08/11/2019 Công ty CP tập đoàn An phát Holdings thực hiện giao dịch mua thêm 2.200.000 cổ phiếu của NHH và chính thức trở thành công ty mẹ của NHH (chiếm 55,17%/VĐL). Ngày 27/7/2021 Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 666.421 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 18.336.946 cổ phiếu (chiếm 50,32%). Ngày 31/12/2021 Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 1.800.000 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 16.536.946 cổ phiếu (chiếm 45,38%). Ngày 04/01/2022 Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings chuyển nhượng 8.500.000 CP, số lượng CP sau khi giao dịch là 8.036.946 CP chiếm tỷ lệ 22,06%. Ngày 16/5/2022 Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings thực hiện mua CP phát hành cho cổ đông hiện hữu với số lượng CP là 8.036.946 nâng số lượng CP nắm giữ lên là 16.073.892 CP. Ngày 03/6/2022 Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings thực hiện giao dịch mua 4.086.416 CP nâng số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 20.160.308, CP, chiếm tỷ lệ 27,66%. Ngày 16/11/2023 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings giao dịch bán 5.000.000, cổ phần, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch là 15.160.308, CP chiếm 20,8% (căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch CP của người có liên quan)./ *On November 27, 2018, An Phat Holdings JSC conducted a transaction to purchase 3,200,000 shares of NHH and officially became a major shareholder of NHH, holding 49.23% of charter capital. From November 6 to November 8, 2019, An Phat Holdings JSC purchased an additional 2,200,000 shares of NHH and officially became the parent company of NHH, holding 55.17% of charter capital. On July 27, 2021, An Phat Holdings JSC (a major shareholder of NHH) sold 666,421 shares, reducing its ownership to 18,336,946 shares, equivalent to 50.32%. On December 31, 2021, An Phat Holdings JSC sold 1,800,000 shares, reducing its ownership to 16,536,946 shares, equivalent to 45.38%. On January 4, 2022, An Phat Holdings JSC transferred 8,500,000 shares, decreasing its ownership to 8,036,946 shares, equivalent to 22.06%. On May 16, 2022, An Phat Holdings JSC subscribed to 8,036,946 newly issued shares under the rights offering, increasing its ownership to 16,073,892 shares. On June 3, 2022, An Phat Holdings JSC purchased 4,086,416 shares, increasing its total holding to 20,160,308 shares, equivalent to 27.66%. On November 16, 2023, An Phat Holdings JSC sold 5,000,000 shares, reducing its holding to 15,160,308 shares, equivalent to 20.8% (according to the Report on Share Transaction Results by a Related Party).*
- + Ngày 04/04/2024 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings giao dịch bán 4.000.000 CP, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch là 11.160.308, CP chiếm 15,31% (căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch CP của người có liên quan)./ *On April 4, 2024, An Phat Holdings sold 4,000,000 shares, the number of shares held after the transaction was 11,160,308, shares accounted for 15.31% (based on the Report on results of stock transactions of related people).*
- + Ngày 27/9/2024 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings giao dịch bán 11.160.308 CP số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch là 0, CP chiếm 0%. Như vậy tính đến hết ngày 26/9/2024 Công ty CP Tập đoàn không còn nắm giữ CP của NHH tuy nhiên số lượng cổ phiếu nắm giữ của bên liên quan vẫn còn là 45.732.822 CP chiếm tỷ lệ 62,75% (căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch CP của người có liên quan)/ *On September 27, 2024, An Phat Holdings Group Joint Stock Company executed a transaction to sell 11,160,308 shares, reducing its post-transaction shareholding to 0 shares, equivalent to 0%. Thus, as of the end of September 26, 2024, the*

Group no longer held any NHH shares. However, the number of shares held by related parties remained at 45,732,822 shares, representing 62.75% (based on the Report on Share Transaction Results of Related Persons).

- + Ngày 03/9/2020 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh sở hữu 5.000.000 cổ phiếu và trở thành cổ đông lớn của NHH (chiếm 14,52%); ngày 06/10/2020 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua thêm 500.000 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên thành 15,97% và ngày 25/11/2020 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh tiếp tục thực hiện giao dịch mua thêm nâng số cổ phiếu nắm giữ là 7.376.257 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 20,24%. Ngày 28/5/2021 đến 26/6/2021 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua 410.000 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên là 21,37%. Ngày 04/01/2022 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua thêm 8.500.000CP nâng số CP nắm giữ lên là 16.286.257 CP, tỷ lệ sở hữu là 44,69%. Tháng 5/2022 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh mua CP phát hành cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 16.286.257 CP nâng số lượng CP nắm giữ lên là 32.572.514 CP. Ngày 03/6/2022 công ty thực hiện giao dịch mua 2.000.000 CP nâng số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 34.572.514 CP, chiếm tỷ lệ 47,44% (Theo Báo cáo kết quả giao dịch CP của người có liên quan)/ On September 3, 2020, An Phat Bioplastics Joint Stock Company owned 5,000,000 shares and became a major shareholder of HPC (accounting for 14.52%); on October 6, 2020, An Phat Bioplastics purchased an additional 500,000 shares, increasing its ownership ratio to 15.97% and on November 25, 2020, An Phat Bioplastics continued to purchase additional shares, increasing its holdings to 7,376,257 shares, accounting for 20.24%. From May 28, 2021 to June 26, 2021, An Phat Bioplastics purchased 410,000 shares, increasing its ownership ratio to 21.37%. On January 4, 2022, An Phat Bioplastics made a transaction to buy an additional 8,500,000 shares, increasing the number of shares held to 16,286,257 shares, with an ownership ratio of 44.69%. In May 2022, An Phat Bioplastics purchased 16,286,257 shares issued to existing shareholders, increasing the number of shares held to 32,572,514 shares. On June 3, 2022, the company made a transaction to buy 2,000,000 shares, increasing the number of shares held after the transaction to 34,572,514 shares, accounting for 47.44% (According to the Report on results of stock transactions of related people)
- + Ngày 27/9/2024 Công ty CP Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua 11.160.308 CP số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch là 45.732.822, CP chiếm 62,75% (căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch CP của người có liên quan)/ On September 27, 2024, An Phat Bioplastics made a transaction to buy 11,160,308 shares. The number of shares held after the transaction was 45,732,822, accounting for 62.75% (based on the Report on results of stock transactions of related people).
- + Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Công ty TNHH An Trung Industries (Công ty con của CP Nhựa Hà Nội) đã hoàn thành xong giao dịch chuyển nhượng toàn bộ 50% vốn góp tại Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô VINFAST – ANPHAT. Do vậy Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô VINFAST – ANPHAT không còn là công ty liên kết của Công ty TNHH An Trung Industries./ On June 30, 2021, An Trung Industries Co., Ltd. (a subsidiary of Hanoi Plastics JSC) completed the transaction of transferring all 50% of its capital contribution at VINFAST-AN PHAT Plastic auto part company limited. Therefore, VINFAST-AN PHAT Plastic Auto Part Company Limited is no longer an affiliated company of An Trung Industries Co., Ltd.
- + Ngày 23/12/2020: Công ty CP Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng cổ phần và chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường. Tỷ lệ vốn nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 là 99,18%/vốn điều lệ. Ngày 30/5/2023 NHH chuyển nhượng 2.170.000CP, số lượng CP sau khi chuyển nhượng còn là 40.410.000, CP chiếm tỷ trọng 94,86%/ On December 23, 2020, Hanoi Plastics Joint Stock Company received the transfer of shares and officially became the parent company of An Cuong Building Materials., JSC. The capital holding ratio as of December 31, 2022 is 99.18%/charter capital. On May 30, 2023,

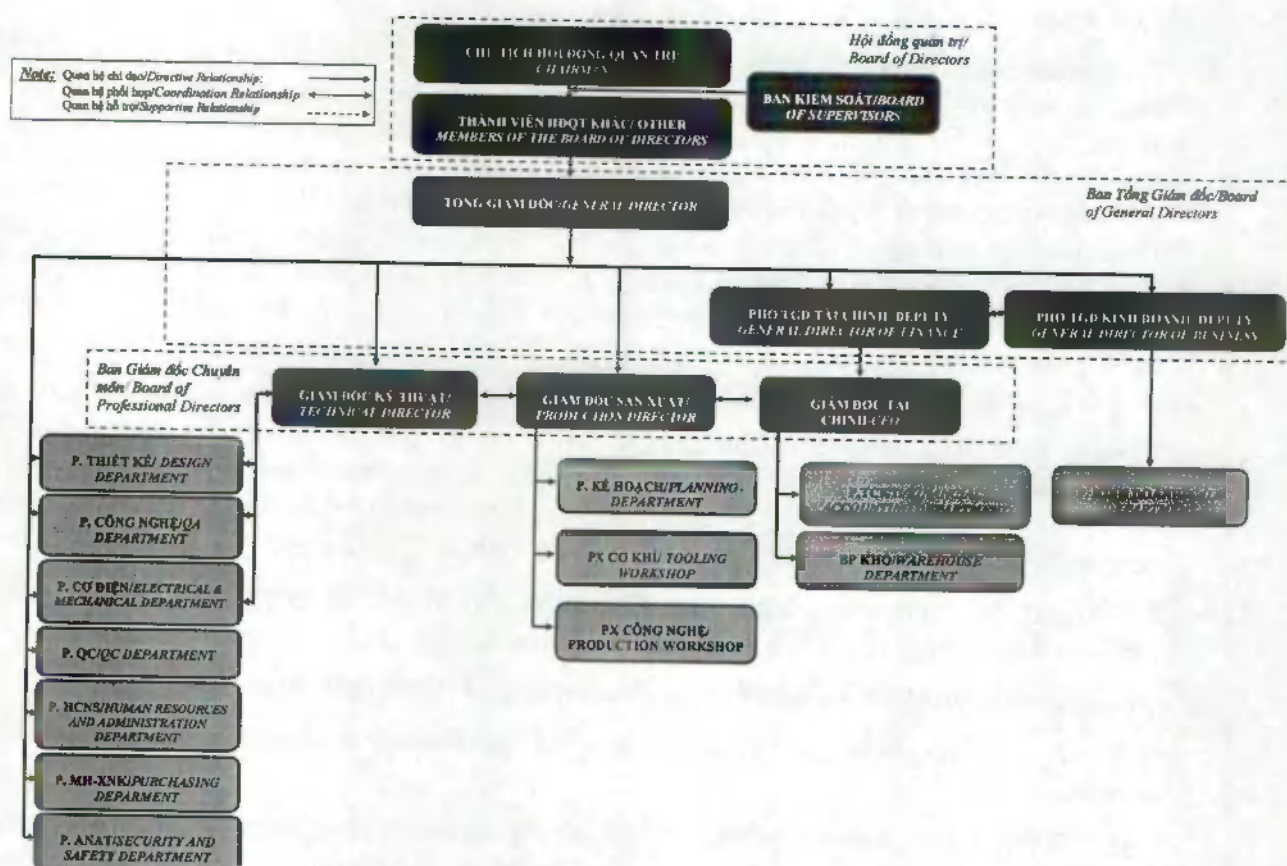
HPC transferred 2,170,000 shares, the number of shares after the transfer is 40,410,000, shares accounting for 94.86%.

- + Ngày 05/12/2024 NHH nhận chuyển nhượng 2.120.000 CP từ cổ đông hiện hữu, số lượng CP sau khi nhận chuyển nhượng là 42.530.000 CP chiếm tỷ lệ 99,84%. / On December 5, 2024, NHH acquired a transfer of 2,120,000 shares from an existing shareholder, increasing its total shareholding to 42,530,000 shares, accounting for 99.84%
 - + Tháng 5/2022 Công ty CP Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 5.800.000CP và trở thành công ty liên kết với Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát. Tỷ lệ vốn nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 là 19,59%. Tháng 2/2023 NHH nhận chuyển nhượng 3.100.000CP nâng số lượng CP nắm giữ lên là 8.900.000, CP chiếm 30,7%/vốn điều lệ, Ngày 15/6/2023 nhận chuyển nhượng 1.610.000CP nâng số lượng CP nắm giữ lên 10.510.000 CP chiếm tỷ lệ 35,5%/vốn điều lệ. / In May 2022, Hanoi Plastics Joint Stock Company received the transfer of 5,800,000 shares and became an affiliated company with PBAT An Phat Joint Stock Company. The capital holding ratio as of December 31, 2022 was 19.59%. In February 2023, HPC received the transfer of 3,100,000 shares, increasing the number of shares held to 8,900,000, accounting for 30.7% of charter capital. On June 15, 2023, it received the transfer of 1,610,000 shares, increasing the number of shares held to 10,510,000 shares, accounting for 35.5% of charter capital.
 - + Tháng 7/2022 Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam nhận chuyển nhượng 1.040.000CP và trở thành công ty liên kết với Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát. Tỷ lệ vốn nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 là 3,51%. Như vậy NHH sở hữu trực tiếp và gián tiếp tại Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát là 11.550.000 CP chiếm tỷ lệ 39% / In July 2022, Vietnam Precision Mechanical and Mold Manufacturing One Member Co., Ltd. transferred 1,040,000 shares and became an affiliated company with PBAT An Phat Joint Stock Company. The capital holding ratio as of December 31, 2022 is 3.51%. Thus, HPC directly and indirectly owns 11,550,000 shares in PBAT An Phat Joint Stock Company, accounting for 39%.
 - Các sự kiện khác/ Other milestones: Không/ None.
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Industry and location**
- **Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main activities**
 - + Sản xuất, mua bán các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác; / Manufacturing and trading injection molds, specialized equipments for plastic manufacturing technology and supplying to other industries;
 - + Sản xuất, mua bán nguyên liệu nhựa và các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác... và các mặt hàng nhựa gia dụng; / Manufacturing and trading plastic materials and industrial plastic products such as construction machine components, electronic components, automobile and motorbike components, other industries products... and household plastic products;
 - **Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính/ Business line related to main industry and field**
 - + Nhập khẩu thiết bị, máy móc, khuôn mẫu, vật tư kỹ thuật, hóa chất và các mặt hàng khác mà Nhà nước không cấm; / Import devices, machines, molds, technical components, chemical, and other products which are allowed by Law.
 - **Địa bàn kinh doanh/ Business location:** Các tỉnh thành phố trong nước và xuất khẩu đi Nhật

Bản, Italia./ Domestic provinces and cities and export to Japan, Italy

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and management structure*

- **Mô hình quản trị/ *Governance model*:** Công ty áp dụng mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc./ *The Company implement management and operation model including: General meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.*



➤ **Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Organization structure*:**

+ Đại hội đồng cổ đông/ *General meeting of shareholders*: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty./ *General meeting of shareholders is the highest authority of the Company*

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Được gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật/ *Annual General Meeting of shareholders is held once a year. General meeting of shareholders must be held within four (4) months from the end of fiscal year. It might be extended, however it only could be extended no more than six (6) months from the end of fiscal year in accordance with the provisions of the law.*

+ Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm, Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả

các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông./ *Elected by Shareholders, the term of office of the Board of Directors is five (5) years, the Board of Directors has full authority to exercise all rights on behalf of the Company except for other authority belonging to the Shareholders*

- + Ban kiểm soát/ *Board of Supervisors*: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là (05) năm, Ban kiểm soát hoạt động độc lập, Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty./ *Elected by shareholders, the term of office of the Board of Supervisors is five (5) years, the Board of Supervisors have authority and responsibility in accordance with the provision of Corporation Law and Company Charter.*
- + Tổng giám đốc/ *General Director*: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty./ *Board of Directors appoints a member of the Board or another person as General Director. The term of office of the General Director is five (05) years and can be reappointed. The General Director must not be a person prohibited by law from holding this position. The powers and obligations of the General Director are prescribed by the Corporation Law and the Company Charter.*
- + Phó Tổng giám đốc/ *Deputy General Director*: Là người giúp cho Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền./ *Assists the General Director in operating the Company according to the assignment and authorization of the General Director, and is responsible to the General Director for assigned tasks and authority.*
- + Các phòng ban chức năng tham mưu giúp việc/ *Functional departments to assist*: gồm 14 phòng/Phân xưởng./ *including 14 departments/Workshops.*
- ❖ **Phòng Hành chính nhân sự/ *Human Resources and Administration Department***
 - Tuyển dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực./ *Recruiting, evaluating and training human resources;*
 - Lập kế hoạch và triển khai đảm bảo các chế độ đối với người lao động: lương, thưởng, ăn công nghiệp, nâng bậc, khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, ốm,.../ *Plan and implement to ensure the regimes for employees: salary, bonus, industrial meals, promotion, health check-up, labor protection equipment, sick leave,...;*
 - Đảm bảo công tác hành chính, môi trường, 5S, ISO, công văn./ *Ensure administrative work, environment, 5S, ISO, official dispatches;*
 - Đảm bảo cơ sở vật chất của công ty: Đất đai, nhà xưởng, thiết bị khác./ *Ensure the company's facilities: Land, factory, other equipment;*
 - Phụ trách các công tác về nhân sự, ngày công lao động của người lao động, sức khỏe, môi trường, ăn uống, ISO, 5S, các giấy tờ đi đến, văn phòng phẩm, tiếp khách và các nhiệm vụ khác được giao./ *In charge of human resources, working days of employees, health, environment, meals, ISO, 5S, incoming documents, stationery, reception and other assigned tasks.*
- ❖ **Phòng Tài chính kế toán/ *Financial accounting Department***
 - Phụ trách công tác tài chính, kế toán của Công ty./ *In charge of the Company's financial and accounting work.*

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty và tổ chức thực hiện các mặt công tác sau: / *Advise the Company's leaders and organize the implementation of the following tasks:*
- + Hạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả; các hoạt động thu, chi tài chính và kết quả kinh doanh theo quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. / *Timely and fully accounting for all assets, equity, liabilities; financial revenue and expenditure activities and business results according to the Company's internal regulations, ensuring the need of business activities.*
- + Lập kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty. / *Prepare the Company's business and financial plans.*
- + Tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước và nội bộ tại Công ty. / *Advise the Director to direct and implement inspections and supervision of the management and compliance with the State's and internal financial and accounting regimes at the Company.*
- + Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời. / *Regularly check and compare the debt situation, identify and classify outstanding debts, analyze the ability to recover to have timely handling measures;*
- + Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, tính lương và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty. / *Manage cash and production costs, transaction relations with banks, financial institutions, calculate salaries and pay salaries to employees, calculate profits and losses, and preserve the Company's capital.*

❖ **Phòng Kế hoạch/ Planning Department**

- Căn cứ vào đơn hàng, hợp đồng của khách hàng lập kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, năm; Điều độ, tổ chức và quản lý sản xuất tại các Phân xưởng sản xuất trong Công ty; Lập kế hoạch giao hàng đúng thời gian đã thỏa thuận với khách hàng. / *Based on customer orders and contracts, plan daily, weekly, monthly and yearly production; Coordinate, organize and manage production at the Company's production workshops; Plan delivery on time as agreement with customers.*
- Thực hiện giám sát giao hàng tại các khách hàng. / *Supervise delivery at customers.*
- Lập và giám sát kế hoạch tổng thể từ khâu triển khai sản phẩm mới, theo dõi thực hiện Kế hoạch triển khai tổng thể từ khâu R&D đến thực hiện MP trong Công ty. / *Prepare and supervise*

the overall plan from the new product deployment stage, monitor the implementation of the overall plan from the R&D stage to MP in the Company.

- *Lập báo cáo thực hiện KHSX tuần, tháng, năm trong Công ty./ Make weekly, monthly and yearly production plan implementation reports in the Company.*
- *Kết nối điều độ KHSX, nắm bắt, báo cáo điều phối năng lực sản xuất giữa các Công ty con thuộc Công ty./ Connect production plan dispatch, grasp and report on production capacity coordination between subsidiaries of the Company.*
- *Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ISO 14001:2015./ Implement the management system according to ISO 9001:2015/ISO 14001:2015.*
- *Quản lý và điều vận xe tải của Công ty./ Manage and dispatch the Company's trucks.*
- *Thực hiện công tác 5S./ Implement 5S.*
- *Lập báo cáo doanh thu dự kiến, doanh thu thực tế tuần, tháng, năm./ Make reports on expected revenue and actual revenue weekly, monthly and yearly.*

❖ ***Phòng Mua hàng – Xuất nhập khẩu/ Purchasing Department:***

- *Quản lý mua vật tư, nguyên liệu, thiết bị, khuôn mẫu./ Manage purchasing of materials, raw materials, equipment, and molds;*
- *Quản lý dự án khuôn thuê ngoài./ Manage projects of outsourced molds;*
- *Quản lý nhà cung cấp./ Manage suppliers;*

❖ ***Bộ phận Kho/ Warehouse Department:***

- *Tổ chức và giám sát việc quản lý các kho: Thành phẩm; Bán phẩm; Nguyên vật liệu; CCDC; Thùng chứa nội bộ... theo đúng quy định của Công ty./ Organize and supervise the management of warehouses: Finished products; Semi-finished products; Raw materials; Equipments; Internal containers... in accordance with the Company's regulations.*
- *Thực hiện nhập hàng hóa, nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch mua ngoài từ Phòng Mua hàng. Phối hợp với Phòng Mua hàng để lấy hàng về phù hợp đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất và tối ưu diện tích kho./ Import goods, raw materials, and supplies according to the purchasing plan from the Purchasing Department. Coordinate with the Purchasing Department to get the*

appropriate amount of goods to ensure that it meets production requirements and optimize warehouse space.

- Thực hiện nhập hàng bán phẩm, thành phẩm từ PXCN, nhập hạt tạo, phế xê từ PX XLNL./ *Import semi-finished products and finished products from the production line, import plastic beads and scrap from the Processing Workshop.*
- Theo dõi nguyên liệu khách gửi gia công, thực hiện đối chiếu với khách hàng./ *Track raw materials sent by customers for processing, conduct reconciliation with customers.*
- Bảo quản hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ trong các kho tuân thủ theo đúng quy định./ *Store and preserve goods, raw materials, supplies, and tools in warehouses following regulations.*
- Thực hiện xuất hàng hóa cho các đơn vị liên quan theo kế hoạch giao hàng, định mức sản xuất và yêu cầu vật tư./ *Export goods to related departments according to the delivery plan, production norms, and material requirements.*
- Theo dõi số lượng xuất, nhập hàng gia công bên ngoài và kiểm kê định kỳ./ *Track the quantity of exported and imported goods for external processing and conduct periodic inventory.*
- Theo dõi việc xuất nhập tồn đồ đựng và bao bì quay vòng, phối hợp với các đơn vị để thực hiện kiểm kê và thu hồi đồ đựng và bao bì được đảm bảo./ *Monitor the import and export cycle of containers and packaging, work with other department to carry out inventory to ensure the recovery of containers and packaging.*
- Thực hiện điều chuyển hàng hóa nội bộ giữa các kho tại HPC và thuê ngoài đảm bảo được tối ưu chi phí./ *Carry out internal transfer of goods between warehouses at HPC and external rented warehouses to ensure cost optimization.*
- Vệ sinh đồ đựng đảm bảo yêu cầu cấp phát cho sản xuất./ *Clean containers to ensure requirements for production*
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015./ *Implement the operation of the management system according to ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.*
- Thực hiện công tác 5S./ *Carry out 5S.*
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Công ty giao./ *Perform other tasks assigned by the Company's leader board*
- Trưởng phòng báo cáo trực tiếp Phó Tổng Giám đốc, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc lĩnh vực phòng được phân công phụ trách./ *Department manager reports directly to the Deputy General Director and General Director of the Company on issues within the assigned department's area of responsibility.*

❖ **Phòng kinh doanh/ Sale Department:**

- Lập kế hoạch kinh doanh hàng năm và triển khai thực hiện các hoạt động Marketing: Quảng cáo, hội chợ triển lãm và giới thiệu các sản phẩm của Công ty; Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu của thị trường, đưa ra các kế hoạch kinh doanh, chiến lược thu hút khách hàng, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm; Tham gia công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới./ *Develop annual business plans and carry out Marketing activities: Advertise, Exhibition conventions and introduce Company's products; Research the market's needs and preferences, make business*

plans, strategies to attract customers, expand products consumption network; Take part in R&D process of new products.

- Soạn thảo các hợp đồng kinh tế bán hàng, sản phẩm, khuôn mẫu, dịch vụ nội địa./ *Draft economic contracts for sales of products, molds, and domestic services*
- Quản lý dữ liệu giá cả sản phẩm, giá cả vật tư, khuôn mẫu, máy móc thiết bị, dụng cụ toàn Công ty phục vụ cho công tác phân tích giá cả và bán hàng./ *Manage the price data of products, material, molds, equipments, machines, tools of the Company for cost analyzing and sale activities.*
- Quản lý khách hàng (cả nội địa và XK) tiếp nhận các thông tin đầu vào phục vụ việc bán hàng như: thông tin khách hàng, các yêu cầu đánh giá Công ty từ khách hàng, kết nối các đơn vị trong Công ty đáp ứng các yêu cầu từ khách hàng./ *Manage customers (both domestic and international customers), receive input information for sale such as: customers' information, requests for company evaluation from customers, connect related departments in the Company to meet customers' requests.*
- Lập các báo cáo phân tích kết quả SXKD trong Công ty và báo cáo Tập đoàn APH./ *Prepare Production and Business results analysis reports of the Company and report to APH.*
- Chịu trách nhiệm hỗ trợ các Công ty con chào giá sản phẩm, phối hợp các Công ty con cùng tìm kiếm khách hàng cho toàn hệ thống Công ty con của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội./ *Responsible for supporting Subsidiaries in product quotation, coordinating with Subsidiaries to find customers for the entire Subsidiary system of Hanoi Plastics Joint Stock Company.*
- Trưởng phòng báo cáo trực tiếp Phó Tổng giám đốc Kinh doanh, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc lĩnh vực phòng được phân công phụ trách./ *Department manager reports directly to the Deputy General Director of Business and General Director of the Company on issues within the assigned department's area of responsibility.*

❖ **Phòng thiết kế/ Design Department:**

- Phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu./ *In charge of technical management of molds;*
- Tổ chức triển khai thiết kế khuôn./ *Organizing and implementing mold design;*
- Lập phương án đối với sự cố khuôn lớn./ *Developing plans for major mold incidents;*
- Quản lý khuôn./ *Mold management;*
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới./ *Researching and developing new products;*
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động./ *Training new and improving skills for employees;*
- Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất nhựa./ *Managing technical work of plastic production technology.*

❖ **Phòng công nghệ/ QA Department:**

- Tham gia nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới./ *Participate in research and testing of new products;*
- Xây dựng tiêu chuẩn quản lý công đoạn sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định./ *Develop standards for management of production stages, technological processes, technical standards of products, production tools, labor norms, raw material norms, ensuring stable production;*

- Xác minh các khiếu nại về chất lượng của khách hàng, truy tìm nguyên nhân và đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa; *Verify customer complaints about quality, find the cause and take preventive actions;*
- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chất lượng; *Regularly monitor, urge, inspect and guide units to carry out quality work;*
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động; *Provide new training and advanced training for employees.*

❖ **Phòng cơ điện/ Electrical & Mechanical Department:**

- Quản lý máy, thiết bị; quản lý và thực hiện công tác kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, thiết bị đo; *Manage machines and equipment; manage and perform inspection of equipment with strict requirements, measuring equipment;*
- Quản lý cơ sở hạ tầng và hệ thống điều hòa, làm mát; *Manage infrastructure and air conditioning and cooling systems;*
- Đảm bảo vận hành và quản lý việc cấp điện năng toàn Công ty; *Ensure operation and management of power supply throughout the Company;*
- Quản lý công tác cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động; *Manage technical improvements, initiatives, technical safety and labor protection regulations and processes;*
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; chế tạo Jig, dưỡng, công cụ sản xuất; *Repair and maintain equipment; manufacture Jigs, maintenance, production tools;*
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động; *Provide new training and advanced training for workers.*

❖ **Phòng An Ninh An Toàn/ Security and Safety Department:**

- Đảm bảo công tác bảo vệ an toàn tài sản, an ninh, phòng cháy chữa cháy và yêu cầu an toàn khác; *Ensure the safety of Company's property, security, fire fighting and prevention, and other safety requirements;*
- Đảm bảo công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên; *Ensure national defense work, military rear policy and military service law, build militia and reserve forces;*
- Kiểm soát việc xuất nhập hàng hóa, sản phẩm, tài sản... ra vào Công ty đúng quy định; *Control the import and export of goods, products, assets... into and out of the Company in accordance with regulations.*

❖ **Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm/ QC Department:**

- Kiểm tra, giám sát, thống kê lỗi, phân tích tình hình chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất; *Check, monitor, count errors, analyze the quality of input materials and products during and after the production process;*
- Kết hợp với các đơn vị nhằm khắc phục, giải quyết, phòng ngừa các vấn đề về chất lượng sản phẩm; *Collaborate with other departments to overcome, resolve, and prevent product quality problems;*
- Quản lý thiết bị đo kiểm, mẫu sản phẩm, dạng mẫu lỗi và thực hiện đào tạo kiểm soát lỗi; *Manage measuring equipment, product samples, error types, and conduct error control training.*

❖ **Phân xưởng cơ khí/ Tooling Workshop:**

- Lập kế hoạch và triển khai lập trình, gia công, chế tạo khuôn;/ *Plan and implement programming, processing, mold manufacturing;*
- Sửa chữa khuôn sự cố nhỏ;/ *Repair minor mold problems;*
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, khuôn và bảo đảm vận hành máy, thống kê giờ máy theo đúng quy định của Công ty./ *Manage equipment, labor, materials, molds and ensure machine operation, machine hour statistics according to Company regulations.*

❖ **Phân xưởng công nghệ/ Production Workshop:**

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty trên các máy gia công sản phẩm nhựa và các công đoạn lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng sản phẩm đúng yêu cầu./ *Organize and implement the Company's production plan on plastic product injection machines and product assembly and finishing stages to ensure the required timing and quality of products.*
- Tổ chức thực hiện quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm, thanh quyết toán theo yêu cầu, quy định của Công ty./ *Organize and implement the management of equipment, labor, materials, products, and payment according to the Company's requirements and regulations.*
- Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành các quy trình tháo lắp khuôn, vận hành máy ép phun, thiết bị phụ trợ, cầu trục, xe nâng, quy trình công nghệ và thực hiện bảo hộ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự, vệ sinh công nghiệp./ *Check and urge the implementation of mold disassembly and assembly processes, injection molding machine operation, auxiliary equipment, cranes, forklifts, technological processes and implementation of labor safety, fire fighting and prevention, maintaining order and industrial hygiene.*
- Có trách nhiệm tự đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung theo cấp độ phân xưởng cho người lao động./ *Responsible for self-training, retraining, and additional training at the workshop based on levels for workers.*
- Tham gia và tạo điều kiện cho các đơn vị liên quan thực hiện công tác thử khuôn, màu, nguyên liệu./ *Participate and facilitate related departments to perform mold, color, and material trials.*
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015./ *Implement the management system according to ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.*
- Thực hiện công tác 5S: Đào tạo cho các công ty thành viên trong khối Nhựa kỹ thuật./ *Implement 5S activities: Training for member companies in the Technical Plastics sector.*
- Thực hiện các cải tiến nâng cao năng suất, giảm lao động trong sản xuất./ *Implement improvements to increase productivity, reduce labor in production.*
- Đào tạo cải tiến, lãng phí trong sản xuất./ *Training on improvements and waste in production.*
- Thực hiện công tác phân tích, truy tìm nguyên nhân và đưa ra đối sách khi phát sinh sản phẩm lỗi./ *Conduct analysis, find causes and propose countermeasures when defective products arise.*
- Theo dõi báo cáo năng suất, định mức điện năng tiêu thụ, năng suất lao động./ *Monitor productivity reports, power consumption standards, labor productivity.*
- Tính toán vật tư theo ngày, dự trù theo tuần để đảm bảo theo kế hoạch sản xuất./ *Calculate materials by day, estimate by week to ensure production plan.*

- Phối hợp với P.KHSX, P.HCNS để điều chỉnh bổ sung nhân sự./ *Coordinate with the Production Planning Department, Human Resources Department to adjust and supplement personnel.*
- Kiểm soát tính liên tục, ổn định trong quá trình sản xuất./ *Control continuity and stability in the production process.*
- Quản lý khuôn mẫu, số lượng tình trạng hoạt động của khuôn./ *Manage molds, the number of mold operating statuses.*
- Xử lý các sự cố về khuôn mẫu, thiết bị trong phạm vi cho phép./ *Handle mold and equipment incidents within the allowable range.*
- Phối hợp cùng các đơn vị kỹ thuật: P.KTCN, P.KTTK, PXCK đưa ra các ý tưởng cải tiến khi triển khai phát triển New Model./ *Coordinate with technical units: Technical Department, Technical Department, and Manufacturing Department to propose improvement ideas when developing New Models.*
- Update dữ liệu kế hoạch sản xuất hàng ngày để làm tem QR code./ *Update daily production plan data to make QR code stamps.*
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo công ty giao./ *Perform other tasks assigned by the company's leadership.*
- Quản đốc Phân xưởng báo cáo trực tiếp Giám đốc sản xuất, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc nhiệm vụ được giao của Phân xưởng./ *Workshop Manager reports directly to the Production Director and General Director of the Company on issues within the assigned tasks of the Workshop.*
- **Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, affiliated companies:**
- + Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư – VIEXIM/ *Export Import Development Investment Company Limited:*
Địa chỉ/ Address: Thôn Hào – xã Liêu Xá – huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên/ *Hao Village - Lieu Xa Commune - Yen My District - Hung Yen Province*
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic/ *Main business and production field: Manufacturing plastic products*
Vốn điều lệ thực góp/ *Charter capital: 20.700.000.000 VND*
Tỷ lệ sở hữu vốn/ *Capital ownership ratio: 100%*
- + Công ty TNHH An Trung Industries/ *An Trung Industries Co., Ltd:*
Địa chỉ/ Address: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương./ *An Phat High-Tech Industrial Park, km47 National Highway 5, Viet Hoa Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province.*
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính/ *Main business and production field: Sản xuất sản phẩm từ plastic/ Manufacturing plastic products*
Vốn điều lệ/ *Charter capital: 241.000.000.000 VND.*
Tỷ lệ sở hữu vốn/ *Capital ownership ratio: 100%*
- + Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ *Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited:*
Địa chỉ/ Address: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa,

Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương./ *An Phat High-Tech Industrial Park, km47 National Highway 5, Viet Hoa Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province.*

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính/ *Main business and production field:* Sản xuất sản phẩm từ plastic/ *Manufacturing plastic products*

Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 200.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu vốn/ *Ownership ratio:* 100%

- + Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ *An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company*

Địa chỉ/ *Address:* Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương./ *An Phat High-Tech Industrial Park, km47 National Highway 5, Viet Hoa Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province.*

Lĩnh vực SXKD/ *Business and production field:* Sản xuất sản phẩm từ Plastic: sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất./ *Manufacturing plastic products: manufacturing construction materials, interior decoration materials.*

Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 426.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu vốn/ *Ownership ratio:* 94,86%

- + Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát/ *PBAT An Phat Joint Stock Company*

Địa chỉ/ *Address:* Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam./ *Lot CN5-04 Tariff-Free Zone and Nam Dinh Vu Industrial Park, Dinh Vu - Cat Hai Economic Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City, Vietnam.*

Lĩnh vực SXKD/ *Business and production field:* Sản xuất nguyên liệu hạt nhựa tự hủy sinh học./ *Manufacturing biodegradable plastic granules*

Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 296.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu vốn trực tiếp và gián tiếp là/ *Direct and indirect capital ownership ratio:* 39%

4. Định hướng phát triển/ *Development Direction:*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty./ *Main objectives of the Company.*
- + Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động./ *Continuously improve the benefits of shareholders and employees.*
- + Tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty./ *Accumulate and develop the Company's production and business.*
- + Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và đất nước./ *Make practical contributions to the implementation of socio-economic development tasks of the Capital and the country.*
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Medium and long-term development strategy:*
- + Định hướng phát triển Công ty trong giai đoạn tiếp theo tiếp tục đầu tư để phát triển khuôn mẫu, sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành công nghiệp hỗ trợ: tập trung vào các sản phẩm nhựa kỹ thuật phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy, điện- điện tử – điện lạnh; thùng chứa, pallet cho các ngành công nghiệp. Ngoài ra sẽ phát triển thêm sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm nhựa xây dựng và hộp đựng thực phẩm./ *The Company's development direction in the next period continues to invest in developing molds and plastic products for the supporting industry: focusing on technical plastic products*

for the automobile, motorbike, electrical - electronic - refrigeration industries; containers, pallets for industries. In addition, it will develop more environmentally friendly biological products and promote the export of construction plastic products and food containers.

+ Đối tác kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực đáp ứng nhu cầu của các khách hàng lớn đã phát triển bền vững trong nhiều năm qua và tiếp tục phát triển thêm các khách hàng mới./ *Business partners: Focus all resources to meet the needs of large customers who have developed sustainably over the years and continue to develop new customers.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty./ *Sustainable development goals (environment, society and community) and key programs related to the short and medium term of the Company.*

Tuân thủ đúng quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm với mức thu nhập ổn định cho người lao động, quan tâm nâng cao chế độ phúc lợi cho người lao động./ *Comply with regulations on environmental protection, labor safety, fire prevention, creating jobs with stable income for employees, paying attention to improving welfare regimes for employees.*

5. Các rủi ro/ Risks:

5.1. Rủi ro về kinh tế/ Economic risks:

Trong bối cảnh dự báo, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới được dự báo tăng trưởng GDP ở mức khoảng 6% trong năm 2024./ *According to forecasts, Vietnam's economic growth rate in the coming time is forecast to increase GDP at about 6% in 2024.*

Đối với Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội: Năm 2024 Công ty vẫn phải đối mặt với các rủi ro thách thức sau/ *For Hanoi Plastics Joint Stock Company: In 2024, the Company still faces the following risks and challenges:*

- Khó khăn ở chỗ nguồn nhân công của Việt Nam trước kia cạnh tranh với Thái Lan, Indonesia tốt hơn nhưng bây giờ do các nước này đang bị mất dần sản phẩm phát triển bởi sự dịch chuyển thị trường khai thác của các hãng lớn đổ vào Việt Nam nên họ buộc phải bắt đầu có nhiều cải tiến để giành lại thị trường. Mặt khác lạm phát kinh tế của Việt Nam tuy đang chậm dần nhưng chi phí tiêu dùng, tiền lương vẫn tăng, nên Công ty cũng đang chịu áp lực về việc tăng chi phí trước sức ép phải giảm giá hàng năm từ các hãng lớn trong chiến lược phải triển Công ty theo định hướng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, sản xuất theo đơn hàng./ *The difficulty lies in the fact that Vietnam's labor force used to have better competitiveness against Thailand and Indonesia, however because these countries are gradually losing developed products due to the shift of exploitation markets of large companies pouring into Vietnam, they are forced to start making many improvements to regain the market. On the other hand, although Vietnam's economic inflation is slowing down, consumer costs and wages are still increasing, so the Company is also under pressure of increasing costs due to the pressure to reduce prices every year from large companies in the strategy of having to develop the Company in the direction of developing supporting industries and manufacturing to order.*
- Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt./ *Competition between businesses has become fiercer and fiercer.*
- Với định hướng sản xuất theo đặt hàng có sẵn đầu ra, nguồn doanh thu và dòng tiền khá ổn định thì cũng có khó khăn Công ty phải lựa chọn vật liệu theo chỉ định từ khách hàng, chịu sự kiểm soát giá đầu vào, trong khi phần gia công hàng năm đều phải tuân theo chính sách giảm giá của các hãng lớn, phụ thuộc vào các chính sách điều chỉnh của khách hàng (về giá cả, nguồn nguyên liệu, về yêu cầu chất lượng..)/ *With the direction of production according to orders*

with available output, quite stable revenue and cash flow, there are also difficulties. The company has to choose materials according to customer's instructions, subject to input price control, while the annual processing part must follow the discount policy of large companies, depending on the customer's adjustment policies (on price, raw material source, quality requirements, etc.)

5.2. Rủi ro pháp luật/ Legal risks

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Doanh nghiệp đang trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của nhà nước đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Một ví dụ như các chính sách về thuế nhập khẩu ..., mỗi một chính sách như vậy đều có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng hay giảm tỷ lệ nội địa hóa của các hãng ô tô - xe máy lớn và ảnh hưởng gián tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty./ Vietnam is currently in the process of international economic integration, therefore, our country's laws and policies often change to adapt to international practices and conventions. Enterprises always face the risk of policy and legal regulation fluctuations during their business operations. Every change in national laws and policies will more or less affect the implementation of a company's production and business activity plans. For example, import tax policies. Each of these policies directly affects the increase or decrease of localization rates for large automobile manufacturers and indirectly impacts the company's business plans.

5.3. Rủi ro đặc thù ngành/ Industry risks

- Khó khăn trong việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, giá bán nhựa cho công ty Việt Nam thường kém cạnh tranh hơn các thị trường Trung quốc, Ấn độ, Indonesia, thậm chí cả Thái lan. Trong nước hiện nay mới chỉ có nguồn PP Homocopolymer từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và nhựa PS từ Công ty Polystyren Việt nam, còn rất nhiều nguyên liệu nhựa kỹ thuật phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ của Công ty vẫn đang phải nhập khẩu. Trong khi đó, khách hàng của công ty đa phần chỉ định sử dụng loại nguyên liệu đầu vào để kiểm soát giá cả, đồng thời họ cũng chịu áp lực giá cả đầu ra khi Việt nam hội nhập sâu, trở thành ép các công ty Việt nam phải tìm mọi cách giảm giá sâu để cạnh tranh với các nước trong khu vực./ Difficulty in depending on imported raw materials, the selling price of plastic for Vietnamese companies is often less competitive than the markets of China, India, Indonesia, and even Thailand. Currently, in the country, there is only PP Homocopolymer source from Dung Quat Oil Refinery and PS plastic from Vietnam Polystyrene Company, while many technical plastic raw materials for the Company's supporting industry are still being imported. Meanwhile, the company's customers mostly specify the use of input materials to control prices, and at the same time, they are also under pressure on output prices when Vietnam integrates deeply, forcing Vietnamese companies to find ways to deeply reduce prices to compete with countries in the region.
- Ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá dầu thô quốc tế, nguồn nguyên liệu thô cho ngành nhựa trên thế giới đều có tác động ảnh hưởng đến doanh nghiệp khi tính chất ngành phụ thuộc vào nhập khẩu gần như toàn bộ với nguyên liệu nhựa mang tính chất kỹ thuật./ The impact of economic growth rate, inflation, interest rates, exchange rates, international crude oil prices, and raw materials for the plastic industry in the world all have an impact on businesses when the nature of the industry depends almost entirely

on imports of technical plastic raw materials.

5.4. Rủi ro khác/ Other risks:

Chiến tranh Nga và Ukraine đang diễn biến phức tạp và khủng hoảng chính trị toàn cầu cũng sẽ ảnh hưởng đến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng./ *The complicated developments of the Russia-Ukraine war and the global political crisis will also affect the world economy in general and Vietnam in particular.*

Lãi suất vay ngân hàng tăng, tỷ giá đô la Mỹ biến động ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm./ *Increasing bank interest rates and fluctuations in the US dollar exchange rate will affect product prices.*

Rủi ro liên quan đến chính sách nội bộ Công ty như: Chính sách của công ty thay đổi không còn duy trì được như khi còn vốn nhà nước nên ảnh hưởng đến tâm lý người lao động do vậy một số nhân sự có tay nghề đã xin nghỉ việc./ *Risks related to the Company's internal policies such as: Changes in the Company's policies that can no longer be maintained as when it was state-owned affect the psychology of employees, causing some skilled employees to resign;*

Các rủi ro bất khả kháng: Thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tài sản của Công ty./ *Force majeure risks: Natural disasters, epidemics, fires and explosions... If these risks occur, they will cause damage to the Company's assets, people and property.*

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/ PERFORMANCE STATUS

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Production and business performance

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Production and business performance results:

TT / No.	Chỉ tiêu / Item	ĐVT / Unit	Thực hiện 2023/ 2023 Actual	Kế hoạch 2024/ 2024 Plan	Thực hiện 2024/ 2024 Actual	Tỷ lệ %/Percentage	
						So với TH 2023/ 2024A/ 2023A	So với KH 2024 2024A/ 2024P
1	Doanh thu cung cấp HHDV Revenue from providing goods and services	Tỷ Đồng Bil VND	2.039	2.200	2.097	102,82	95,31
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN Profit after tax	Tỷ Đồng Bil VND	96,9	138	87,9	91,28	63,66
3	Tỷ suất LNST/DT (ROS) Return on Sales	%	4,72	6,27	4,19	88,77	66,79
4	Tỷ suất LNST/VĐL bq (ROE) Return On Equity	%	13,22	18,95	12,07	91,28	63,66

(Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất kiểm toán/

Source: Audited Consolidated Financial Report)

- Doanh thu năm 2024 đạt 2.096,9 tỷ đồng (giảm 103 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2024)./
Revenue in 2024 reached 2,096.9 billion VND (decreased 103 billion VND compared to the 2024 plan).
- + Doanh thu giảm là do kinh tế suy thoái nên sức mua giảm sút/ *Revenue decreased due to economic recession, which cause purchasing power to be decreased.*
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 87,8 tỷ đồng giảm 8,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng đến lợi nhuận là do/ *Profit after tax in 2024 reached 87.8 billion VND, decreased 8.4 billion VND compared to the same period last year, the main factors affecting profit are:*
- + Trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con./ *Provision for investment in subsidiaries.*
- + Doanh thu tài chính giảm./ *Financial revenue decreased.*

1.2. Những thay đổi chính trong năm/ Key Changes During the Year:

- Thay đổi nhân sự quản lý nhằm nâng cao hoạt động quản trị của công ty/ *Management personnel changes aimed at enhancing the Company's governance performance:*
- + Tháng 01/2024: Thay đổi Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh/ *January 2024: Appointment of a new Deputy General Director in charge of Sales..*
- + Tháng 3/2024: Thay đổi nhân sự kế toán trưởng/ *March 2024: Appointment of a new Chief Accountant*
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển./ *All of the Company's business segments continued to operate stably in line with the established development orientation.*
- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty./ *The Company's financial position remains sound, with sufficient capital to meet its business and investment needs.*
- Duy trì và thực hiện tốt chế độ cho người lao động của Công ty./ *Maintains and properly implements employee benefit regimes.*
- Đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước./ *Fully complies with tax obligations to the State budget.*
- Đã tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên vào ngày 16/5/2024. Đại hội đã thông qua một số vấn đề sau/ *Successfully held the Annual General Meeting of Shareholders on May 16, 2024. The Meeting approved the following matters:*
- + Thông qua báo cáo của HĐQT về việc đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Công ty./ *Approval of the BOD's report on the assessment of 2023 business performance and the 2024 business orientation.*
- + Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2023./ *Approval of the Supervisory Board's 2023 activity report.*
- + Thông qua BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán./ *Approval of the 2023 audited separate and consolidated financial statements.*
- + Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023./ *Approval of the 2023 after-tax profit distribution plan.*
- + Thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024./ *Approval of several 2024 business targets.*

- + Thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2024./ *Approval of the 2024 remuneration for the BOD and Supervisory Board.*
- + Thông qua tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, danh sách công ty kiểm toán độc lập và Thông qua ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng kiểm toán./ *Approval of the criteria for selecting the independent audit firm, the list of proposed audit firms, and authorization for the BOD to select and authorize the General Director to sign the audit engagement contract.*
- + Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty/ *Approval of amendments and supplements to the Company's Charter.*
- + Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, bầu bổ sung thành viên HĐQT và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029./ *Approval of the dismissal and additional election of BOD members and the election of Supervisory Board members for the 2024–2029 term.*
- Ngày 22/11/2024 đã tổ chức thành công đại hội cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2024 để thông qua các vấn đề sau/ *On November 22, 2024, successfully held the 1st Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024 to approve the following matters:*
- + Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ./ *Approval of the plan to offer additional shares to existing shareholders to increase charter capital;*
- + Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);/ *Approval of the ESOP issuance plan;*
- + Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;/ *Approval of amendments and supplements to the Company's Charter;*
- + Thông qua việc thay đổi, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh;/ *Approval of the change and adjustment of business lines;*
- + Thông qua việc cho phép Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh không phải thực hiện chào mua công khai khi mua cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội./ *Approval for An Phat Bioplastics not to conduct a public tender offer when purchasing newly offered shares via rights offering of Hanoi Plastics JSC.*
- + Thông qua việc phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng và di chuyển Nhà máy chế tạo khuôn mẫu và sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cao tại Công ty TNHH An Trung Industries;/ *Approval of the investment policy for the expansion and relocation of the mold manufacturing and high-tech plastic product plant at An Trung Industries Company Limited;*
- + Thông qua việc góp tăng vốn vào Công ty TNHH An Trung Industries/ *Approval of additional capital contribution to An Trung Industries Company Limited*
- + Thông qua việc giảm vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam;/ *Approval of charter capital reduction of of Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited*
- + Các vấn đề khác trong hoạt động của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty./ *Other matters related to the Company's operations in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.*

- Tháng 12/2024 Công ty CP Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 2.120.000CP tại Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường, nâng số lượng CP nắm giữ sau khi giao dịch lên 99,84%/Vốn điều lệ/ In December 2024, Hanoi Plastics JSC acquired 2,120,000 shares in An Cuong High-Tech Building Materials JSC, increasing its ownership to 99.84% of charter capital.
- Công ty đang trình Ủy ban chứng khoán xem xét phê duyệt hồ sơ xin tăng vốn Điều lệ theo Nghị quyết số 563/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 22/11/2024/ The Company is in the process of submitting to the State Securities Commission the dossier for approval of the charter capital increase in accordance with Resolution No. 563/2024/NQ-DHĐCĐ dated November 22, 2024.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Personnel

2.1. Danh sách Ban điều hành/ List of Executive Board Members

2.1.1. Ông Ngô Văn Thụ – Tổng Giám đốc, thời gian đảm nhiệm chức vụ từ ngày 10/10/2023/ Mr. Ngo Van Thu – General Director, term of office starting from October 10, 2023

Họ và tên/ Full name Ngô Văn Thụ/ Ngo Van Thu

Giới tính/ Gender Nam/ Male

Ngày tháng năm sinh/
Date of birth

Nơi sinh/ Place of birth

CC/ Hộ chiếu

ID/Passport

Ngày cấp/Ngày hết hạn
Issued date/Expired date

Nơi cấp/ Issued place

Quốc tịch/ Nationality Việt Nam/ Vietnam

Địa chỉ thường trú/ Place
of Residence

Điện thoại/ Telephone

Trình độ chuyên môn/ Đại Học chuyên ngành Hóa Hữu cơ - hóa dầu/ Bachelor's
Professional qualification Degree of Organic Chemistry - Petrochemistry

Quá trình công tác/ Work
experience

Thời gian Period	Chức vụ - đơn vị công tác Positions - work unit
9/2005 - 9/2009	Trưởng ca công ty cổ phần sơn Joton/ Shift Supervisor of Joton Paint Joint Stock Company
1/2010 - 9/2011	Trưởng phòng KCS – Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ KCS department Manager – An Phat Bioplastics JSC

10/2011 - 9/2013	Phó phòng QC/ <i>QC department deputy manager</i>
9/2013 - 9/2016	Phó giám đốc nhà máy 2/ <i>Deputy director of Factory 2</i>
9/2016 - 02/2017	Giám đốc nhà máy 2/ <i>Director of Factory 2</i>
03/2017 - 4/2019	Giám đốc nhà máy 2 & 7/ <i>Director of Factory 2 and 7</i>
8/2019 - 2/2023	Phó Tổng giám đốc sản xuất/ <i>Deputy General Production Director</i>
03/2022 - 5/2023	Giám đốc Công ty CP An Tiến Industries/ <i>Director of An Tien Industries JSC</i>
6/2023 – 7/2023	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhựa Hà Nội/ <i>Deputy general director of Hanoi Plastics JSC</i> Tổng giám đốc Công ty CP An Tiến Industries/ <i>General director of An Tien Industries JSC</i>
7/2023 – 10/2023	Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty CP Nhựa Hà Nội/ <i>Deputy permanent general director of HPC</i> Tổng giám đốc Công ty CP An Tiến Industries/ <i>General director of An Tien Industries JSC</i>
10/2023 – Nay/ <i>Present</i>	Tổng giám đốc Công ty CP Nhựa Hà Nội/ <i>General director of Hanoi Plastics JSC</i> Tổng giám đốc Công ty CP An Tiến Industries/ <i>General director of An Tien Industries JSC</i> Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM./ <i>Chairman of the Board of Directors of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited.</i> Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH An Trung Industries/ <i>Chairman of the Board of Directors, An Trung Industries Co., Ltd.</i>

2.1.2. Bà Đỗ Thị Hương Giang – Phó tổng Giám đốc phụ trách tài chính/ *Mrs Do Thi Huong Giang – Deputy General Director of Finance*

Họ và tên/ *Full name* : Đỗ Thị Hương Giang/ *Do Thi Huong Giang*
Giới tính/ *Gender* : Nữ/ *Female*
Ngày tháng năm sinh/ *Date of birth* :
Nơi sinh/ *Place of birth* :
CMND/ Hộ chiếu :
ID/ *Passport* :
Ngày cấp/ Ngày hết hạn :
Issued date/ *Expired date* :
Nơi cấp/ *Issued place* :
Quốc tịch/ *Nationality* : Việt Nam/ *Vietnam*
Địa chỉ thường trú/ *Place* :

of residence

Điện thoại/ Telephone

Trình độ chuyên môn/

Professional Certification

Quá trình công tác/ Work

experience

:

:

:

:

:

:

Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán/ *Business Bachelor's degree of Accounting*

Thời gian Period	Chức vụ - đơn vị công tác Position
01/1994 - 01/2000	Nhân viên kế toán Công ty Nhựa Hà Nội/ <i>Accountant of Hanoi Plastics company</i>
02/2000 - 2/2003	Phó phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội/ <i>Deputy Head of Finance Department of Hanoi Plastics Company</i>
3/2003 - 6/2003	Quyền Trưởng phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội/ <i>Acting Head of Finance Department of Hanoi Plastics Company</i>
7/2003 - 4/2004	Trưởng phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội/ <i>Head of Finance Department of Hanoi Plastics Company</i>
5/2004 - 6/2006	Trưởng phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội;/ <i>Head of Finance Department of Hanoi Plastics Company;</i> Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng./ <i>Head of Supervisory Board of Ham Rong Joint Stock Company</i>
7/2006 - 10/2008	Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội;/ <i>Chief Accountant of Hanoi Plastics State-owned One Member Limited Liability Company</i> Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng./ <i>Head of Supervisory Board of Ham Rong Joint Stock Company</i>
11/2008 - 11/2010	Thành viên HĐQT;/ <i>Member of Board of Directors;</i> Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội;/ <i>Chief Accountant of Hanoi Plastics Joint Stock Company;</i> Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng./ <i>Head of Supervisory Board of Ham Rong Joint Stock Company</i>
12/2010 - 4/2011	Thành viên HĐQT;/ <i>Member of Board of Directors;</i> Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội;/ <i>Chief Accountant of Hanoi Plastics Joint Stock Company;</i> Thành viên HĐTV Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM;/ <i>Member of Board of Members of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited;</i> Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng./ <i>Head of Supervisory Board of Ham Rong Joint Stock Company.</i>

5/2011 – 4/2018	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM./ <i>Member of Board of Directors; Chief Accountant of Hanoi Plastics Joint Stock Company; Member of Board of Members of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited</i>
5/2018 – 3/2019	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM./ <i>Chief Accountant of Hanoi Plastics Joint Stock Company; Member of Board of Members of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited</i>
04/2019 – 4/2023	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM./ <i>Chief Financial Director and Chief Accountant of Hanoi Plastics Joint Stock Company; Member of the Board of Directors of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited</i>
4/2023 - Nay/ <i>Present</i>	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư - VIEXIM./ <i>Member of the Board of Directors, Deputy General Director of Hanoi Plastics Joint Stock Company; Member of the Board of Directors of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited</i>

2.1.2. Bà Lâm Thị Hiền – Phó tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh/ *Mrs Lam Thi Hien – Deputy General Director of Business*

Họ và tên/ *Full name* Lâm Thị Hiền/ *Lâm Thị Hiền*
Giới tính/ *Gender* Nữ/ *Female*
Ngày tháng năm sinh/ *Date of birth*
Nơi sinh/ *Place of birth* Hà Nội/ *Hanoi*
CMND/ Hộ chiếu/ *ID/Passport*
Ngày cấp/ Ngày hết hạn/ *Issued date/Expired date*
Nơi cấp/ *Issued place*

Quốc tịch/ *Nationality* Việt Nam/ *Vietnam*
Địa chỉ thường trú/ *Place of residence*

Điện thoại/ Telephone

Trình độ chuyên môn/

Professional certification

Cử nhân kinh tế Quốc tế - Học viện ngoại giao Việt Nam/

Bachelor's degree of International Economics – Diplomatic Academy of Vietnam

Quá trình công tác

Work experience

Thời gian Period	Chức vụ - đơn vị công tác Position
07/2012-10/2012	Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty CP Nhựa An phát xanh/ Import-export staff of An Phat Bioplastics Joint Stock Company
11/2012-12/2016	Giám đốc bán hàng khối 3 Công ty CP Nhựa An phát xanh/ Sales Director of An Phat Bioplastics Joint Stock Company
01/2017-09/2020	Giám đốc Trung tâm kinh doanh Công ty CP Nhựa An phát xanh/ Business Center Director of An Phat Bioplastics JSC
10/2020-12/2023	Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty CP Nhựa An phát xanh/ Deputy Business Director of An Phat Bioplastics JSC
01/2024 – Nay/ Present	Phó tổng giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội/ Deputy Business Director of Hanoi Plastics JSC Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư – VIEXIM/ Member of the Board of Directors of VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited

- Những thay đổi trong Ban điều hành/ Changes in the Board of Executives: không/ None
- Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty CP Nhựa Hà Nội/ Number of employees at Hanoi Plastics JSC

STT No.	Tiêu chí Workforce	Số người Number	Tỷ lệ Ratio
	Phân theo trình độ lao động/ Sorted by workers' educational background		
1	Trên đại học/ Postgraduate degree	1	0.1%
2	Trình độ đại học và tương đương/ Bachelor's degree and equivalent degree	100	14.5%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp/ Associate degree	92	13.4%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề/ Technical worker, vocational college, intermediate, intermediate vocational	6	0.9%
5	Lao động phổ thông/ General labor	490	71.1%
	Phân theo HĐ lao động/ Sorted by type of labor contract		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ/ Workers not	0	0%

STT No.	Tiêu chí Workforce	Số người Number	Tỷ lệ Ratio
	<i>subject to labor contracts</i>		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn/ <i>indefinite-term contracts</i>	567	82.3%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm/ <i>1-3 year contracts</i>	110	16.0%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc / <i>seasonal contracts, probationary contracts</i>	12	1.7%
	Phân theo giới tính/ Sorted by gender		
1	Nam/ <i>Male</i>	434	63%
2	Nữ/ <i>Female</i>	255	37%

(Nguồn: Báo cáo công ty mẹ/ Source: Parent company report)

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM/ *Number of employees at VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited:*

STT No.	Tiêu chí Workforce	Số người Number	Tỷ lệ Ratio
	Phân theo trình độ lao động/ Sorted by workers' educational background		
1	Trên đại học/ <i>Postgraduate degree</i>	0	0%
2	Trình độ đại học và tương đương/ <i>Bachelor's degree and equivalent degree</i>	45	11%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp/ <i>Associate degree</i>	5	1%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề/ <i>Technical worker, vocational college, intermediate, intermediate vocational</i>	19	5%
5	Lao động phổ thông/ <i>General labor</i>	334	83%
	Phân theo HĐ lao động/ Sorted by type of labor contract		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ/ <i>Workers not subject to labor contracts</i>	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn/ <i>indefinite-term contracts</i>	205	51%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm/ <i>1-3 year contracts</i>	197	49%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc/ <i>seasonal contracts, probationary contracts</i>	1	0%
	Phân theo giới tính/ Sorted by gender		
1	Nam/ <i>Male</i>	279	69%
2	Nữ/ <i>Female</i>	124	31%

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty TNHH An Trung Industries/ *Number of employees at An Trung Industries Co., Ltd:*

STT No.	Tiêu chí Workforce	Số người Number	Tỷ lệ Ratio
	Phân theo trình độ lao động/ Sorted by workers' educational background		
1	Trên đại học/ <i>Postgraduate degree</i>	0	0%

STT No.	Tiêu chí Workforce	Số người Number	Tỷ lệ Ratio
2	Trình độ đại học và tương đương/ <i>Bachelor's degree and equivalent degree</i>	53	15%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp/ <i>Associate degree</i>	37	11%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề/ <i>Technical worker, vocational college, intermediate, intermediate vocational</i>	3	1%
5	Lao động phổ thông/ <i>General labor</i>	251	73%
	Phân theo HĐ lao động/ <i>Sorted by type of labor contract</i>		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ/ <i>Workers not subject to labor contracts</i>	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn/ <i>indefinite-term contracts</i>	322	94%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm/ <i>1-3 year contracts</i>	14	4%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc/ <i>seasonal contracts, probationary contracts</i>	8	2%
	Phân theo giới tính/ <i>Sorted by gender</i>		
1	Nam/ <i>Male</i>	218	63%
2	Nữ/ <i>Female</i>	126	37%

Số lượng cán bộ nhân viên Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ *Number of employees at Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited*

STT No.	Tiêu chí Workforce	Số người Number	Tỷ lệ Ratio
	Phân theo trình độ lao động/ <i>Sorted by workers' educational background</i>		
1	Trên đại học/ <i>Postgraduate degree</i>	0	0%
2	Trình độ đại học và tương đương/ <i>Bachelor's degree and equivalent degree</i>	31	42%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp/ <i>Associate degree</i>	18	24%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề/ <i>Technical worker, vocational college, intermediate, intermediate vocational</i>	0	0%
5	Lao động phổ thông/ <i>General labor</i>	25	34%
	Phân theo HĐ lao động/ <i>Sorted by type of labor contract</i>		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ/ <i>Workers not subject to labor contracts</i>	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn/ <i>indefinite-term contracts</i>	73	99%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm/ <i>1-3 year contracts</i>	1	1%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc/ <i>seasonal contracts, probationary contracts</i>	0	0%
	Phân theo giới tính/ <i>Sorted by gender</i>		
1	Nam/ <i>Male</i>	61	82%
2	Nữ/ <i>Female</i>	13	18%

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ *An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company*:

STT No.	Tiêu chí <i>Workforce</i>	Số người <i>Number</i>	Tỷ lệ <i>Ratio</i>
	Phân theo trình độ lao động/ <i>Sorted by workers' educational background</i>		
1	Trên đại học/ <i>Postgraduate degree</i>	3	1%
2	Trình độ đại học và tương đương/ <i>Bachelor's degree and equivalent degree</i>	41	18%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp/ <i>Associate degree</i>	9	4%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề/ <i>Technical worker, vocational college, intermediate, intermediate vocational</i>	10	4%
5	Lao động phổ thông/ <i>General labor</i>	168	73%
	Phân theo HĐ lao động/ <i>Sorted by type of labor contract</i>		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ/ <i>Workers not subject to labor contracts</i>	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn/ <i>indefinite-term contracts</i>	213	92%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm/ <i>1-3 year contracts</i>	13	6%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc/ <i>seasonal contracts, probationary contracts</i>	5	2%
	Phân theo giới tính/ <i>Sorted by gender</i>		
1	Nam/ <i>Male</i>	198	86%
2	Nữ/ <i>Female</i>	33	14%

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Summary of policies and changes in policies for employees*: không/ *None*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment and projects situation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Key investments*:

- Tổng kinh phí đầu tư thiết bị năm 2024 riêng công ty mẹ là 77,9 tỷ đồng trong đó chủ yếu là đầu tư thiết bị và khuôn mẫu. Các thiết bị đầu tư đã được đưa vào khai thác đáp ứng tiến độ và đã phát huy hiệu quả kinh tế./ *Total investment cost for equipment in 2024 of the parent company alone is 77,97 billion VND, mainly for equipment and molds. The invested equipment has been put into operation to meet the schedule and has promoted economic efficiency.*

- Đầu tư tài chính/ *Financial investment*: không/ *None*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, affiliates*:

- Danh sách Công ty con/ *Subsidiaries list*:
- + Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư - VIEXIM./ *Export Import Development Investment Company Limited*;
- + Công ty TNHH An Trung Industries/ *An Trung Industries Co., Ltd*;
- + Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ *Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited*
- + Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ *An Cuong High-tech Building*

Materials Joint Stock Company

- Danh sách công ty liên kết/ *Affiliated companies list:*
- + Công ty CP sản xuất PBAT An Phát/ *PBAT An Phat Joint Stock Company*
- Tình hình hoạt động của Công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries and affiliates' operation status:*

Đơn vị: tỷ đồng/ *Unit: billion VND*

STT No.	Tên đơn vị Unit Name	Vốn điều lệ Charter Capital	Tỷ lệ vốn góp % ownership	Tình hình hoạt động Status
1	Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư - VIEXIM/ <i>VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited</i>	20,7	100%	Đang hoạt động/ <i>Active</i>
2	Công ty TNHH An Trung Industries/ <i>An Trung Industries Co., Ltd</i>	241	100%	Đang hoạt động/ <i>Active</i>
3	Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ <i>Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited</i>	200	100%	Đang hoạt động/ <i>Active</i>
4	Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ <i>An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company</i>	426	99,84%	Đang hoạt động/ <i>Active</i>
5	Công ty CP sản xuất PBAT An Phát/ <i>PBAT An Phat Joint Stock Company</i>	296	39%	Đang hoạt động/ <i>Active</i>

- Tình hình tài chính của Công ty con/ *Subsidiaries and affiliates' financial situation:*
- + Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM/ *Export Import Development Investment Company Limited:*

Đơn vị: tỷ đồng/ *Unit: billion VND*

STT No.	Chỉ tiêu Content	TH năm 2023 2023 Actual	TH năm 2024 2024 Actual	% tăng giảm % Changes
1	Tổng giá trị tài sản/ <i>Total assets</i>	89,4	116,3	+30,04

2	Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	315,7	372,6	+18,03
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	15,0	23,5	+56,2

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM/
Source: *Export Import Development Investment Company limited Financial report*)

+ Công ty TNHH An Trung Industries/ *An Trung Industries Co., Ltd*

Đơn vị: tỷ đồng/ *Unit: billion VND*

STT No.	Chỉ tiêu <i>Content</i>	TH năm 2023 <i>2023 Actual</i>	TH năm 2024 <i>2024 Actual</i>	% tăng giảm <i>% Changes</i>
1	Tổng giá trị tài sản/ <i>Total assets</i>	344,0	363,1	+5,55
2	Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	236,8	312,8	+32,08
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	(21,2)	3,1	+14,84

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty TNHH An Trung Industries/
Source: *An Trung Industries Co.Ltd Financial Report*)

+ Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ *Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited:*

Đơn vị: tỷ đồng/ *Unit: billion VND*

STT No	Chỉ tiêu <i>Content</i>	TH năm 2023 <i>2023 Actual</i>	TH năm 2024 <i>2024 Actual</i>	% tăng giảm <i>% Changes</i>
1	Tổng giá trị tài sản/ <i>Total assets</i>	291,7	260,3	(10,76)
2	Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	132,6	109,6	(17,37)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	12,3	11,7	(5,2)

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/

Source: *Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Co.,Ltd Financial report*)

+ Công ty CP vật liệu xây dựng và công nghệ cao An Cường/ *An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company:*

STT No	Chỉ tiêu <i>Content</i>	TH năm 2023 <i>2023 Actual</i>	TH năm 2024 <i>2024 Actual</i>	% tăng giảm <i>% Changes</i>
1	Tổng giá trị tài sản/ <i>Total assets</i>	687,4	622,0	(9,51)
2	Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	606,1	588,6	(2,89)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	33,8	35,4	+4,63

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty CP vật liệu xây dựng và công nghệ cao An Cường/

Source: *An Cuong High-tech Building Material JSC Financial Report*)

+ Công ty CP sản xuất PBAT An phát/ *PBAT An Phat Joint Stock Company*

STT No	Chỉ tiêu Content	TH năm 2023 2023 Actual	TH năm 2024 2024 Actual	% tăng giảm % Changes
1	Tổng giá trị tài sản/ Total asset value	757.389.577.887	430.854.366.055	(43,41)
2	Doanh thu thuần/ Net revenue	52.164.583.460	109.434.340.894	+109,79
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN/ Profit after corporate Tax	(19.966.849.892)	(182.270.009.095)	+812,86

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation:

Chỉ tiêu Items	ĐVT Unit	Năm 2023 2023	Năm 2024 2024	% tăng giảm % changes
Tổng giá trị tài sản/ Total Assets	Tỷ Đồng/ bil VND	2.076,6	1.930,2	92,92
Doanh thu thuần/ Net Revenue	Tỷ Đồng/ bil VND	2.039,3	2.096,9	102,83
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	Tỷ Đồng/ bil VND	117,1	112,3	95,97
Lợi nhuận trước thuế/ Total profit before tax	Tỷ Đồng/ bil VND	120,5	111,5	92,47
Lợi nhuận sau thuế/ Total profit after tax	Tỷ Đồng/ bil VND	96,2	87,9	91,28
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Dividend return rate	%	5	5	100

(Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất kiểm toán /

Source: Audited Consolidated Financial Statements)

Ghi chú/ Note: Chỉ tiêu tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2024 được ghi theo số dự kiến, ĐHCĐ thường niên năm 2024 sẽ quyết định tỷ lệ phân phối này./ The dividend ratio for 2024 is recorded as expected, the 2024 Annual General Meeting of Shareholders will decide on this distribution ratio.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Main financial indicators

Chỉ tiêu Items	DVT Unit	Năm 2023 2023	Năm 2024 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratios			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) + Current ratio (Current assets/Current liabilities)	Lần/ Times	1,25	1,63

Chi tiêu <i>Items</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Năm 2023 2023	Năm 2024 2024
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn + <i>Quick ratio:</i> <i>Current assets – Inventories</i> <i>Current liabilities</i>	Lần/ <i>Times</i>	0,9	1,2
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Asset structure</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản / <i>Liabilities/Total assets</i>	%	33,87	29,72
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu/ <i>Liabilities/Owner's capital</i>	%	51,22	42,29
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Performance indicators</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>	Lần <i>times</i>	5,82	7,59
+ Vòng quay Tổng tài sản/ <i>Total assets turnover</i>	Lần <i>times</i>	0,91	1,05
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitabilities ratio</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>ROS</i>	%	4,72	4,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>ROE</i>	%	7,19	6,44
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>ROA</i>	%	4,63	4,55
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần. <i>Profit from operating activities/Net revenue</i>	%	5,74	5,36

(Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất/*Consolidated financial report's data*)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu./ *Shareholders' Structure, changes in Owner's equity*

a) Cổ phần đang lưu hành/ *Outstanding shares:*

STT <i>No.</i>	Tiêu chí <i>Items</i>	Số lượng (cổ phần) <i>Amount of shares</i>
1	Tổng số cổ phần đang lưu hành/ <i>Total outstrading shares</i>	72.880.000
2	Cổ phần tự do chuyển nhượng/ <i>Total free outstranding shares</i>	72.880.000
3	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng/ <i>Total restricted outstranding shares</i>	0

b) Cơ cấu cổ đông/ *Shareholders structure:*

Cổ đông/ Shareholders	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Số lượng cổ phần/ Number of shares	Tỷ lệ (%) Ratio (%)
I. Cổ đông trong nước/ Domestic shareholders	2.996	72.506.982	99,488%
1. Cá nhân/ Individuals	2.988	26.678.247	36,605%
Trong đó:/ Including:			
- Cá nhân nắm giữ trên 1%/ Tổng số cổ phần Công ty phát hành/ Individuals hold over 1% of Total shares issued by the Company	02	9.311.500	12,776%
2. Tổ chức/ Organization	08	45.828.735	62,883%
Trong đó:/Including:			
- Tổ chức nắm giữ từ 5%/Tổng số cổ phần Công ty phát hành/ Organization hold from 5% Total shares issued by the Company	01	45.732.822	62,75%
II. Cổ đông nước ngoài/ International shareholders	39	373.018	0,512%
* Cá nhân/ Individual	30	207.400	0,285%
* Tổ chức/ Organization	9	165.618	0,227%
III. Cổ phiếu quỹ/ Treasury stocks	0	0	0
Tổng/ Total	3.035	72.880.000	100%

Ghi chú/ Note: Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 23/10/2024 (thời điểm chốt gần nhất tính đến 31/12/2024)/ Based on the list of shareholders as of October 23, 2024 (latest closing date on December 31, 2024)

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ/ List of shareholders holding over 5% of charter capital.

TT No.	Tên cổ đông/ Name	Số ĐKSH Ownership registration No.	Số cổ phần nắm giữ Number of shares holding	Tỷ lệ (%) Ownership Ratio
1	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh/ An Phat Bioplastics JSC	0800373586	45.732.822	62,75%
2	Lê Xuân Lương/ Le Xuan Luong	026065003025	8.553.900	11,74%
	Tổng/Total		54.286.722	74,49%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Changes in Owner's equity situation**

- Quá trình tăng vốn kể từ khi cổ phần hóa đến nay/ Capital increase process since equitization to date:

Công ty CP Nhựa Hà Nội chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần từ tháng 11/2008 với số vốn điều lệ ban đầu khi chuyển đổi là 65 tỷ đồng.

Qua quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện tăng vốn 04 lần cụ thể như sau:/ Hanoi Plastics Joint Stock Company officially transformed from a one-member LLC to a joint stock company in November 2008 with an initial charter capital of 65 billion VND upon conversion. During

its operation, the Company has increased its capital 4 times, specifically as follows:

+ Phát hành tăng vốn lần 1/ *First capital increase issuance:*

Ngày 13/02/2019, Công ty phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ sau khi phát hành là 168.000.000.000 đồng./ *On February 13, 2019, the Company issued shares to existing shareholders and issued additional capital from equity capital, the charter capital after issuance was 168,000,000,000 VND.*

+ Phát hành tăng vốn lần 2/ *Second capital increase issuance:*

Ngày 12/08/2019, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên sau khi phát hành là 344.400.000.000 đồng./ *On August 12, 2019, the Company completed the issuance of bonus shares to employees under the employee selection program in the Company and issued shares to increase charter capital from equity capital, increasing the Company's charter capital after issuance to VND 344,400,000,000.*

+ Phát hành tăng vốn lần 3/ *Third capital increase issuance*

Tháng 12/2020 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành 364.400.000.000đ/ *In December 2020, the Company completed the issuance of shares to existing shareholders, increasing the Company's charter capital to VND 364,400,000,000*

+ Phát hành tăng vốn lần 4/ *Fourth capital increase issuance*

Tháng 6/2022 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành 728.800.000.000đ/ *In June 2022, the Company completed the issuance of shares to existing shareholders, increasing the Company's charter capital to VND 728,800,000,000*

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's equity:*

Đơn vị: tỷ đồng/Unit: billion VND

Chỉ tiêu/Items	Năm 2023/ FY2023	Năm 2024/ FY2024
- Số đầu kỳ/ <i>Beginning Balance</i>	728,8	728,8
- Tăng trong kỳ/ <i>Increasing in period</i>	0	0
- Giảm trong kỳ/ <i>Decreasing in period</i>	0	0
- Số cuối kỳ/ <i>Ending Balance</i>	728,8	728,8

- Số lượng cổ phiếu/ *Number of Shares:*

Chỉ tiêu/ Items	Năm 2023 / FY2023	Năm 2024 / FY2024
- Số đầu kỳ/ <i>Beginning balance</i>	72.880.000	72.880.000
- Phát hành trong kỳ/ <i>Issued in period</i>	0	0
- Giảm trong kỳ/ <i>Decreasing in period</i>	0	0
- Số cuối kỳ/ <i>Ending balance</i>	72.880.000	72.880.000

* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Treasury stock transactions*: Không có/ *None*.
- e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: Không có/ *None*.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report on the company's environmental and social impact*

6.1. Tác động lên môi trường/ *Impacts on environment*

- Tổng khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không/ *Total direct and indirect greenhouse gas (GHG) emissions: None*
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Initiatives and measures to reduce greenhouse gas emissions*:
 - + Thay thế bóng đèn cao áp 400W bằng bóng đèn led 150W/ *Replace the 400W high-voltage bulb with a 150W LED bulbs*
 - + Cắt giảm bóng đèn Tuyp led 18W tại Phân xưởng công nghệ/ *Reduce 18W LED tube lights at the Production Workshop*
 - + Quy định lại thời gian lên nhiệt các máy ép phun trước khi sản xuất/ *Re-regulate the heating time of injection molding machines before production*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Material sources management*

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *Total amount of raw materials used for production and packaging of the company main products and services during the year*.
- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty CP Nhựa Hà Nội/ *Total amount of raw materials used for production and packaging of main products and services during the year of Hanoi Plastics Joint Stock Company*:

STT No.	Tên Nguyên vật liệu <i>Material</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Sử dụng năm 2024 <i>2024 Usage</i>
1	Hạt nhựa PP/PP resin	Kg	3.370.605
2	Hạt nhựa PE/PE resin	Kg	10.486
3	Hạt nhựa PS/PS resin	Kg	103.775
4	Hạt nhựa PA/PA resin	Kg	393.619
5	Hạt nhựa POM, PBT/ POM, PBT resin	Kg	20.140
6	Hạt nhựa ABS, AES, ASA/ABS, AES, ASA resin	Kg	1.445.562
7	Hạt nhựa PC/PC resin	Kg	111.186
8	Hạt nhựa PVC/PVC resin	Kg	299.024
9	Khác (Hạt màu, tẩy nòng...) <i>Others (color materbatch, barrel cleaner, ...)</i>	Kg	58.425

STT No.	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Sử dụng năm 2024 2024 Usage
10	Hạt nhựa TPU, TPE/TPU, TPE resin	Kg	302
11	Hạt nhựa PMMA/PMMA resin	Kg	19.253
12	Thép/ Steel	Kg	49.665
	Tổng cộng/ Total	Kg	5.822.042

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM/ Total 2024 amount of raw materials used for production and packaging the main products of Export Import Development Investment Company Limited:

STT No.	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Sử dụng năm 2024 2024 Usage
1	Hạt nhựa PP/PP resin	Kg	3.965.597
2	Hạt nhựa PE/PE resin	Kg	44.500
3	Hạt nhựa PS/PS resin	Kg	1.375
4	Hạt nhựa PA/PA resin	Kg	73.333
5	Hạt nhựa POM, PBT/POM, PBT resin	Kg	13.082
6	Hạt nhựa ABS, AES/ABS, AES resin	Kg	497.644
7	Hạt nhựa PC/PC resin	Kg	34.508
8	Hạt nhựa PVC/PVC resin	Kg	274.497
9	Khác (Hạt màu, tẩy nòng...) Others (color materbatch, barrel cleaner, ...)	Kg	29.674
10	Hạt nhựa TPU, TPE/TPU, TPE resin	Kg	834
	Tổng cộng/Total	Kg	4.935.044

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty TNHH An Trung Industries/ Total amount of raw materials used for production and packaging the main products of the Company during the year of An Trung Industries Company Limited:

STT	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Sử dụng năm 2024 2024 Usage
1	Hạt nhựa PP/PP resin	Kg	847.824
2	Hạt nhựa PA/PA resin	Kg	78.488
3	Hạt nhựa PM/PM resin	Kg	4.854
4	Hạt nhựa ABS, AES/ABS, AES resin	Kg	747.223
5	Hạt nhựa PC/PC resin	Kg	525.144,5
6	Nhựa PVC/PVC resin	Kg	1.100
7	Khác (Hạt màu, tẩy nòng...) Others (color materbatch, barrel cleaner, ...)	Kg	2.664.505,8
9	Hạt nhựa BG/BG resin	Kg	0
11	Hạt nhựa PPSU/PPSU resin	Kg	0
12	Hạt nhựa HIPS/HIPS resin	Kg	577.223,40
14	Hạt nhựa TPR/TPR resin	Kg	324,6
	Tổng Cộng/ Total		5.446.687,3

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ *Total 2024 amount of raw materials used for production and packaging the main products and services of Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited:*

STT No.	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Sử dụng năm 2024 Usage in 2024
1	Thép/Steel	Kg	182.000

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ *Total 2024 amount of raw materials used for production and packaging the main products of An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company:*

STT No.	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Sử dụng năm 2024 2024 Usage
1	Bột PVC/PVC powder	Kg	4.460.371,62
2	Bột đá/ talc powder	Kg	15.005.252,35
3	Màng Film/Film	Kg	312.342,16
4	Dán đế/Sole paste	Kg	321.131,30
5	Wear layer	Kg	1.524.292,08
6	Hạt tạo/plastic bead	Kg	6.760.686,94
7	Phụ gia khác (Acid, Pe...)/ Other additives	Kg	1.050.009,47
	Tổng cộng/ Total	Kg	29.434.086

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức./ *Report on the percentage of recycled materials used to manufacture the company's primary products and services*

- Công ty CP Nhựa Hà Nội/ *Hanoi Plastics Joint Stock Company*

STT No	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Số lượng tái sử dụng năm 2024 Percentage of recycled materials used in 2024
1	Hạt nhựa PP/PP resin	%	100
2	Hạt nhựa PE/PE resin	%	100
3	Hạt nhựa PS/PS resin	%	12
4	Hạt nhựa PA/PA resin	%	86
5	Hạt nhựa POM/POM resin	%	92
6	Hạt nhựa ABS/ABS resin	%	99
7	Hạt nhựa PC/PC resin	%	82
8	Hạt nhựa PVC/PVC resin	%	93
9	Hạt nhựa PMMA/PMA resin	%	51

- Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM/ *Export Import Development Investment Company Limited*

STT No	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Tỷ lệ nguyên liệu tái sử dụng năm 2024 Percentage of recycled
-----------	---------------------------------	------------------------	---

			<i>materials used in 2024</i>
1	Hạt nhựa PP /PP resin	%	99,5
2	Hạt nhựa PE/ PE resin	%	89,3
3	Hạt nhựa PA/PA resin	%	95,5
4	Hạt nhựa POM, PBT/POM, PBT resin	%	97,7
5	Hạt nhựa ABS, AES/ABS, AES resin	%	99,1
6	Hạt nhựa PC/PC resin	%	95,2
7	Hạt nhựa PVC/PVC resin	%	90,4
8	Khác (hạt màu, tẩy nòng)/ Others (color materbatch, barrel cleaner,...)	%	95,5

- Công ty An Trung Industries/ An Trung Industries Company

STT No	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Tỷ lệ tái sử dụng năm 2024 Percentage of recycled materials used in 2024
1	Hạt nhựa PP/ PP resin	%	114
2	Hạt nhựa PA/ PA resin	%	85
3	Hạt nhựa PM/ PM resin	%	90
4	Hạt nhựa ABS, AES/ ABS, AES resin	%	87
5	Hạt nhựa PC/ PC resin	%	83
6	Hạt nhựa PVC/ PVC resin	%	99
7	Hạt nhựa BG/ BG resin	%	85
8	Hạt nhựa HIPS/ HIPS resin	%	97
9	Hạt nhựa TPR/ TPR resin	%	44
10	Hạt nhựa SAN/ SAN resin	%	71
11	Hạt nhựa NTPE/ NTPT resin	%	21
12	Hạt nhựa POM/ POM resin	%	95
13	Hạt nhựa PBT/ PBT resin	%	76

- Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam: Không tái sử dụng được nguyên liệu./ Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited: Doesn't resuse raw materials
- Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường/ An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company:

STT No	Tên Nguyên vật liệu Material	Đơn vị tính Unit	Tỷ lệ tái sử dụng năm 2024 Percentage of recycled materials used in 2024
1	Bột PVC/PVC powder	%	95
2	Bột đá/talc powder	%	95
3	Màng Film/film	%	95
4	Dán đế/sole paste	%	95
5	Wear layer	%	95
6	Phụ gia khác (Acid, Pe...) Other additives (Acid, Pe...)	%	95

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy Consumption:*

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp Công ty CP Nhựa Hà Nội/ *Direct and indirect power consumption of Hanoi Plastics company:*

Tên năng lượng <i>Items</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Khối lượng sử dụng năm 2023 <i>2023 Usage</i>	Khối lượng sử dụng năm 2024 <i>2024 Usage</i>	% tăng/giảm <i>% Changes</i>
Điện/ <i>Electricity</i>	Kw	10.217.400	11.387.600	+11,5
Ga trong nấu ăn công nghiệp/ <i>Gas in industrial cooking</i>	kg	5.910	71	(98,8%)
Dầu diesel/ <i>Diesel oil</i>	Lít	38.602	22.720	(41,1%)
Dầu thủy lực/ <i>Hydraulic oil</i>	Lít	11.356	15.670	+38%
Dầu truyền nhiệt/ <i>Heat transfer oil</i>	Lít	208	208	-
Dầu nhờn các loại/ <i>Diffent kinds of lubricant</i>	Lít	1.001	2.178	+117,6%
Dầu chống gỉ/ <i>Anti-rust oil</i>	Lít	2.982	1.591	(46,6%)
Dầu nhớt ô tô/ <i>Automobile lubricant oil</i>	Lít	282	674	+139%
Xăng/ <i>Gasoline</i>	Lít	15.572	23.420	+50,4%

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM/ *Direct and indirect power consumption of Export Import Development Investment Company Limited:*

Tên năng lượng <i>Items</i>	Đơn vị Unit	Khối lượng sử dụng năm 2023 <i>2023 Usage</i>	Khối lượng sử dụng năm 2024 <i>2024 Usage</i>	% tăng/giảm <i>% Changes</i>
Điện/ <i>Electricity</i>	Kw/h	6.117.915	7.950.081	29.9%
Ga trong nấu ăn công nghiệp/ <i>Gas in industrial cooking</i>	kg	1.053	0	(100.0%)
Dầu diesel/ <i>Diesel oil</i>	Lít	12.749	12.000	(5.9%)
Dầu thủy lực/ <i>Hydraulic oil</i>	Lít	10.000	29.200	192.0%
Dầu truyền nhiệt/ <i>Heat transfer oil</i>	Lít	416	208	(50.0%)
Dầu nhờn các loại/ <i>Lubricant</i>	Lít	1.742	1.876	7.7%
Dầu chống gỉ/ <i>Anti-rust oil</i>	Lít	4.975	483	(90.3%)
Xăng/ <i>Gasoline</i>	Lít	440	20	(95.5%)

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty TNHH An Trung Industries/ *Direct and indirect power consumption of An Trung Industries Company limited:*

Tên năng lượng <i>Items</i>	Đơn vị Unit	Khối lượng sử dụng năm 2023 <i>2023 Usage</i>	Khối lượng sử dụng năm 2024 <i>2024 Usage</i>	% tăng/giảm <i>% changes</i>
Điện/ <i>Electricity</i>	Kw/h	4.699.464	6.983.790	49%
Dầu diesel/ <i>Diesel oil</i>	Lít	11.800	12,5	6%
Dầu thủy lực/ <i>Hydraulic oil</i>	Lít	3.578	2.598	(27%)
Dầu PM khuôn/ <i>Molding PM oil</i>	Kg		269	

Dầu chống gỉ/ <i>Anti-rust oil</i>	kg	340.02	793	133%
Dầu nhớt/ <i>Lubricant</i>	Lít	300	471	57%
Dầu máy xung điện/ <i>Electric pulse machine oil</i>	Lít	0	0	
Dầu máy nén khí/ <i>Air compressor oil</i>	lít	80	180	125%

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam/ *Direct and indirect power consumption of Vietnam Pattern Manufacture and Precision Mechanical Company Limited:*

Tên năng lượng <i>Items</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Khối lượng dùng năm 2023/ <i>2023 Usage</i>	Khối lượng dùng năm 2024 <i>2024 Usage</i>	% tăng/giảm % <i>Changes</i>
Điện/ <i>Electricity</i>	Kw	1.058.481	1.126.415	6%
Dầu bôi trơn/ <i>Lubricant oil</i>	Lít	983	700	(29%)
Dầu trục chính/ <i>Main shaft oil</i>	Lít	440	11,55	(97%)
Dầu cắt gọt/ <i>Cutting oil</i>	Lít	1.370	2.766	102%
Dầu diesel/ <i>Diesel oil</i>	Lít	1.330	0	(100%)
Dầu làm mát trục chính/ <i>Spindle cooling oil</i>	Lít	255	0	(100%)
Dầu máy xung điện/ <i>Electric pulse machine oil</i>	Lít	279	2.400	760%
Dầu Mobil dte oil light 32/ <i>Mobil dte oil light 32 oil</i>	Lít		149	100%
Dầu nhờn/ <i>Lubricant</i>	Lít	20	0	(100%)
Dầu thủy lực/ <i>Hydraulic oil</i>	Lít	110	0	(100%)

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty CP vật liệu xây dựng và công nghệ cao An Cường/ *Direct and indirect power consumption of An Cuong High-tech Building Materials Joint Stock Company:*

Tên năng lượng <i>Items</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Khối lượng dùng năm 2023 <i>Usage in 2023</i>	Khối lượng dùng năm 2024 <i>Usage in 2024</i>	% tăng/giảm % <i>Changes</i>
Điện/ <i>Electricity</i>	Kw	12.495.426	11.385.297	(9%)
Dầu Diesel 0,05S-II/ <i>0,05S-II Diesel oil</i>	Lít	15.500	13.260	(14%)

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Amount of energy saved by implementing effective energy usage ideas*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *Reports on energy-saving initiatives (providing energy-saving products and services or using renewable energy); reports on the results of these initiatives*

6.4. Tiêu thụ nước/ *Water consumption:*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng. Sử dụng nước từ nguồn mua của công ty nước sạch, tổng khối lượng sử dụng năm 2024 là 79.230 m³/năm (217 m³/ngày.đêm)/ *Water supply source and water usage. Using water purchased from clean water companies, the total volume used in 2024 is 79.230 m³/year (217 m³/day.night);*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of recycled and reused water: 0%*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with environmental protection laws:*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không/ *Number of times fined for non-compliance with environmental laws and regulations: None*
- b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không/ *Total amount of fines for non-compliance with environmental laws and regulations: None*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Labor policies:*

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average salary for employees:*
- Số lao động bình quân năm riêng công ty mẹ: 689 người/ *Average number of employees per year for the parent company alone: 689 people*
 - Mức lương bình quân tháng riêng công ty mẹ: 15,6 triệu đồng/người/tháng/ *Average monthly salary of employees at the parent company alone: VND/person/month.*
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure the health, safety and welfare of employees.*
- Khám sức khỏe tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV với tiêu chí khám cao hơn pháp luật quy định/ *Recruitment health check-ups and periodic health check-ups for employees with examination criteria higher than those prescribed by law.*
 - Trang bị đầy đủ cơ cấu an toàn của máy, phương tiện bảo vệ cá nhân tại các vị trí công việc/ *Fully equipping safety mechanisms for machines and personal protective equipment at working positions.*
 - Thực hiện trang cấp và sử dụng quần áo bảo hộ lao động, may áo khoác cho CBCNV toàn Công ty/ *Providing and using protective clothing, providing jackets for employees throughout the Company.*
 - Thực hiện quan trắc môi trường, nước thải và quan trắc môi trường lao động 05 lần/năm./ *Conducting environmental, wastewater and working environment monitoring 5 times/year*
 - Tăng cường diện tích cây xanh tại Công ty, trang cấp các hệ thống quạt thông gió, điều hòa tại khu vực làm việc cũng như nhà ăn Công ty .../ *Increase the green area in the Company, provide ventilation and air conditioning systems in the working area as well as the Company's cafeteria...*
 - Đảm bảo chất lượng bữa ăn công nghiệp hàng ngày, chống nóng vào những ngày nắng nóng từ 34°C trở lên, bánh sữa trong trường hợp huy động làm thêm./ *Ensure the quality of daily industrial meals, heat protection on hot days from 34 Celcius degree or higher, milk and bread in case of overtime mobilization*
- c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Traning activities for employees:*
- Các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng và học tập liên tục nâng cao trình độ quản lý, nâng cao tay nghề, nâng cao trách nhiệm/ *Traning programs to develop skills and continuos learning*

to improve management skills, improve professional skills, and responsibility.

- + Đào tạo an toàn vệ sinh lao động/ *Occupational safety and hygiene training*
- + Đào tạo định kỳ đội sơ cấp cứu cơ sở Công ty/ *Periodic training of the Company's first aid team*
- + Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân/ *Training to improve workers' skills*
- + Đào tạo nhận biết các loại lãng phí và cách cải tiến/ *Training to recognize types of waste and ways to improve*
- + Đào tạo kỹ năng nhận biết các mối nguy hiểm trong quá trình làm việc/ *Training in skills to recognize hazards during work.*
- + Đào tạo công việc tiêu chuẩn/ *Standard work training.*
- + Huấn luyện nghiệp vụ PCCC - CNCH và thực tập phương án PCCC-CNCH/ *Fire prevention and rescue training and fire prevention and rescue practicing.*
- + Quản trị rủi ro trong thực hiện hợp đồng và thu hồi các khoản thanh toán quá hạn/ *Risk management in contract and collection of overdue payments.*
- + Đào tạo bồi dưỡng kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu và phòng chống bệnh tật/ *Training to foster knowledge of first aid and disease prevention.*
- + Đào tạo diễn tập ứng phó các tình huống khẩn cấp năm 2023 (sự cố ngộ độc thực phẩm)/ *Training in emergency response drills in 2023 (food poisoning incidents).*
- + Đào tạo kỹ năng bán hàng cho nhân viên Sale/ *Training in sales skills for sales staff.*
- + Đào tạo quy trình và kỹ năng tiếp khách cho nhân viên Sale/ *Training on customer service processes and skills for Sales staff.*
- + Đào tạo kỹ năng lập kế hoạch và quản lý mục tiêu/ *Training on planning and goal management skills.*
- + Đào tạo kỹ năng bán hàng – thấu hiểu khách hàng cho nhân viên Sale/ *Training on sales skills - understanding customers for Sales staff.*
- + Đào tạo IATF/ *IATF training*
- Đào tạo bên ngoài/ *External training:*
 - + Đào tạo an toàn lao động định kỳ hàng năm/ *Annual occupational safety training*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report regarding to responsibility to local community

Công ty có các hoạt động phối hợp với địa phương như sau: Triển khai các kế hoạch cụ thể phối hợp với công an Phường, Quận đảm bảo ANTT trên địa bàn, triển khai các kế hoạch và phối hợp với CA PC&CC của quận, thực hiện phối hợp với CAQ tổ chức học tập và diễn tập các tình huống cụ thể tại công ty, thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, thông tin tuyên truyền về công tác PC&CC. Công ty đã từng ủng hộ xây nhà tình nghĩa cho gia đình có công với cách mạng trên địa bàn quận, ủng hộ quỹ khuyến học của địa phương, ưu tiên tuyển chọn người của địa phương vào làm việc tại công ty..../ *The company has coordinated activities with the locality as follows: Implementing specific plans to coordinate with the Ward and District police force to ensure security and order in the area, implementing plans and coordinating with the district's Firefighter Department, coordinating with the District Police to organize training and practice specific situations at the company, regularly*

participating in professional training courses, and disseminating information about Fire Fighting and Prevention. The company has supported the construction of houses of gratitude for families with revolutionary contributions in the district, supported the local education promotion fund, and prioritized the selection of local people to work at the company....

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH/ REPORT AND ASSESSMENT OF THE EXECUTIVE BOARD

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of production and business performance results:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024/ Production and business performance results in 2024:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch/ Plan implementation results:

STT No	Chỉ tiêu Item	Kế hoạch năm 2024 (VNĐ) Plan 2024	Thực hiện năm 2024 (VNĐ) Actual 2024	Tỷ lệ (%) 2024A/ 2024P
1	Doanh thu bán hàng và CCDV/ Revenue	2.200.000.000.000	2.096.905.452.640	95,31
2	Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	148.000.000.000	87.854.703.191	59,36

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất/

(Source: Audited 2024 Consolidated Financial Statements)

- + Doanh thu giảm 4,69% so với kế hoạch giao/ Revenue decreased 4,69% compared to given plan.
- + Lợi nhuận thực hiện sau thuế giảm 40,64% so với kế hoạch, nguyên nhân phân tích tại mục 1.2 phần II/ Profit after tax decreased 40,64 % compared to to plan, causes analysis would be shown in section 1.2 of part II

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation:

a) Tình hình tài sản/ Asset situation:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản/ Asset situation, changes in asset analysis:

Chỉ tiêu Item	Năm 2023/ FY2023		Năm 2024/ FY2024	
	Giá trị (tỷ đồng) Value (bil VND)	Tỷ trọng (%) Ratio	Giá trị (tỷ đồng) Value (bil VND)	Tỷ trọng (%) Ratio
Tài sản ngắn hạn/ Current Asset	833,7	52,73	835,2	43,27
Tài sản dài hạn/ Non-current Asset	1.242,9	47,27	1.095,0	56,73
Tổng/Total		100		100

- Tình hình nợ phải trả/ Liabilities situation:
- + Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn/ Current ratio:

Chỉ tiêu/ Item	ĐVT/ Unit	Năm 2023/ FY2023	Năm 2024/ FY2024
Tài sản ngắn hạn/ Current asset	Tỷ đồng/	833,7	835,2

	<i>bil VND</i>		
Nợ ngắn hạn/ <i>Current liabilities</i>	Tỷ đồng/ <i>bil VND</i>	666,3	511,7
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn/ <i>Current ratio</i>	Lần/ <i>Times</i>	1,25	1,63

+ Hệ số thanh toán nhanh/ *Quick ratio*:

Chỉ tiêu/ <i>Item</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Năm 2023/ <i>FY2023</i>	Năm 2024/ <i>FY2024</i>
Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i>	Lần/ <i>Times</i>	0,95	1,2

+ Hệ số thanh toán dài hạn/ *Solvency ratio*:

Chỉ tiêu/ <i>Item</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Năm 2023/ <i>FY2023</i>	Năm 2024/ <i>FY2024</i>
Tài sản dài hạn/ <i>Non-Current assets</i>	Đồng/ <i>VND</i>	1.242,9	1.095,0
Nợ dài hạn/ <i>Non-current liabilities</i>	Đồng/ <i>VND</i>	37,1	62,0
Hệ số thanh toán nợ dài hạn/ <i>Solvency ratio</i>	Lần/ <i>Times</i>	33,48	17,66

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debt situation, large fluctuations in debt*

- Tình hình nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Bad debts, the impact of exchange rate differences on the company's production and business results, and the impact of interest rate differences*
- + Công ty không có nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều đang trong thời hạn/ *The company has no bad debts, all payable debts are within the term.*
- + Năm 2023 công ty tiếp tục đầu tư vốn vào các công ty con, do vậy công ty tăng cường sử dụng vốn vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh/ *In 2023, the company continues to invest capital in subsidiaries, so the company increases the use of borrowed capital to serve production and business activities.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in Organizational Structure, Policies, and Management Practices*

- Lãnh đạo Công ty luôn chỉ đạo và giám sát các đơn vị tham mưu, chủ động cân đối năng lực sản xuất hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của kế hoạch sản xuất, phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và hàng năm để đưa ra các giải pháp kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và mục tiêu đã đề ra/ *The executives regularly direct and supervise the consulting departments, proactively balance the existing production capacity to meet the requirements of the production plan, analyze the monthly, quarterly and annual production and business efficiency to provide timely solutions for the Company's production and business activities to achieve efficiency and set goals.*
- Ban điều hành duy trì các cuộc họp chất lượng đầu giờ, đưa ra các ý kiến chỉ đạo kịp thời cho các đơn vị về điều hành sản xuất và chất lượng sản phẩm, giảm thiểu sản phẩm hỏng và đề xê phát sinh trong sản xuất. Nâng cao công tác quản lý đề xê phát sinh trong sản xuất và công tác thống kê đánh giá tìm nguyên nhân khắc phục/ *The Executive Board maintains quality meetings at the beginning of the hour, giving timely instructions to the units on production management*

and product quality, minimizing defective products and scrap arising in production. Improve the management of scrap arising in production and statistical evaluation to find causes and remedies.

- Thực hiện rà soát lại các quy trình sản xuất, hoàn thiện thao tác sản phẩm, hợp lý hoá sản xuất, cải tiến tăng năng suất lao động, nghiên cứu cải tiến cắt giảm các công đoạn không cần thiết, đưa công đoạn hoàn thiện xuống thực hiện ngay tại máy sản xuất, giảm chi phí vận chuyển nội bộ, chi phí tồn kho/ *Review production processes, perfect production operations, rationalize production, improve labor productivity, research and improve cutting unnecessary steps, bring the finishing step down to perform right at the production machine, reduce internal transportation costs and inventory costs.*
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát kế hoạch sản xuất, việc quản lý vật tư, phụ liệu sản xuất; chấn chỉnh kịp thời công tác chuẩn bị điều kiện cho sản xuất. Cân đối mức tồn kho vật tư, hàng hoá đảm bảo nhu cầu sản xuất, tiết kiệm, phù hợp với biến động của thị trường/ *Strengthen the inspection and supervision of production plans, the management of production materials and accessories; promptly rectify the preparation of conditions for production. Balance the inventory of materials and goods to ensure production needs, save money, and be suitable for market fluctuations.*
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tăng cường quảng cáo về năng lực và khả năng của Công ty để thu hút khách hàng mới, mặt hàng mới trong lĩnh vực sản phẩm nhựa công nghiệp. Thực hiện tốt dịch vụ khách hàng, đảm bảo giữ được uy tín của Công ty đối với khách hàng đang giao dịch/ *Promote marketing activities, increase advertising about the Company's capacity and ability to attract new customers and new products in the field of industrial plastic products. Provide good customer service, ensuring the Company's reputation is maintained with customers.*
- Chỉ đạo và đưa ra nhiều giải pháp quản lý vật tư chính, phụ liệu, văn phòng phẩm nhằm quản lý chặt chẽ trong khâu sử dụng và tái sử dụng, các loại bao bì, thùng đựng cũng được quản lý chặt chẽ tránh thất thoát, giảm chi phí/ *Direct and propose many solutions to manage main materials, accessories, and stationery to strictly manage the use and reuse stages, packaging and containers are also strictly managed to avoid loss and reduce costs.*
- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác cải tiến 5S và CCCF, TPS với sự hỗ trợ của TOYOTA Việt Nam và Chương trình hỗ trợ cải tiến năng suất, chất lượng của Samsung/ *Direct the effective implementation of 5S and CCCF, TPS improvement work with the support of TOYOTA Vietnam and Samsung's Productivity and Quality Improvement Support Program*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Future Development Plans

NHH đang trong quá trình phát triển theo mô hình Tổng công ty với các công ty con trong ngành công nghiệp hỗ trợ, nhựa xây dựng. Ban lãnh đạo Công ty vẫn duy trì định hướng chiến lược tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ ép phun nhựa và chế tạo khuôn mẫu, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nhựa xây dựng để sẵn sàng đón bắt các cơ hội. Thông qua các chính sách phát triển, đầu tư mở rộng và cải tiến cơ sở hạ tầng, công nghệ cho các công ty con, Công ty sẽ tăng cường chiếm lĩnh thị trường ép phun nhựa trong ngành công nghiệp hỗ trợ, đón bắt và đáp ứng nhu cầu phát triển nhà cung cấp của các đối tác lớn ngành ô tô như Toyota, Honda Việt Nam, Hyundai Thành Công, Mitsubishi, Vinfast, Ford Việt Nam...; tiếp tục mở rộng các nhà sản xuất điện - điện tử, điện thoại như Foxconn, Panasonic, Daikin...; tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng và phát triển sản phẩm mới. Nhựa Hà Nội và các công ty thành viên sẽ tiếp tục tăng cường triển khai các chương trình hỗ trợ về đào tạo tổ chức quản lý sản xuất theo TPS của các chuyên gia từ Toyota Việt Nam, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của

Samsung Việt Nam và Bộ Công thương... Các công ty sẽ cơ cấu lại tổ chức sản xuất, tinh giản bộ máy quản lý, tiết giảm chi phí các công đoạn sản xuất, đầu tư máy móc, công nghệ hiện đại, giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động để nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, duy trì tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh

HPC is in the process of developing according to the model of a Corporation with subsidiaries in the supporting industry and construction plastics. The Company's Board of Directors still maintains the strategic direction of continuing to develop and improve the competitiveness of plastic injection technology and mold manufacturing, increasing the export of construction plastic products to be ready to seize opportunities. Through development policies, investment in expanding and improving infrastructure and technology for subsidiaries, the Company will increase its market share in plastic injection market in the supporting industry, grasp and meet the needs of developing suppliers of major partners in the automobile industry such as Toyota, Honda Vietnam, Hyundai Thanh Cong, Mitsubishi, Vinfast, Ford Vietnam...; electrical - electronic, telephone manufacturers such as Foxconn, Panasonic, Daikin...; continue to expand the customer network and develop new products. Hanoi Plastics and its member companies will continue to strengthen the implementation of support programs on training in production management organization according to TPS by experts from Toyota Vietnam, business support programs of Samsung Vietnam and the Ministry of Industry and Trade, etc. The companies will restructure production organization, streamline management apparatus, reduce costs of production stages, invest in modern machinery and technology, reduce manual labor, improve labor productivity to enhance competitiveness to participate in the global supply chain, maintain effective growth in production and business.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ Explanation of the Board of Directors regarding the audit opinion (if needed):

Không/None

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment report related to the company's environmental and social responsibility.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường/ Assessment related to Environmental criteria:

Công ty có ĐTM và Đề án BVMT chi tiết, được cấp giấy phép xả thải. Hàng năm công ty triển khai thực hiện giám sát chất lượng nước thải (04 lần vào các tháng 1,4,7 và 10 và chất lượng không khí 02 lần vào các tháng 1 và 7). Các chỉ tiêu giám sát đều đạt tiêu chuẩn cho phép./ *The Company has completed an Environmental Impact Assessment (EIA) and a detailed Environmental Protection Plan, and has been granted a wastewater discharge permit. Annually, the Company carries out environmental monitoring, including four times for wastewater quality (in January, April, July, and October) and twice for air quality (in January and July). All monitored indicators meet permissible standards.*

Công ty đã thực hiện quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, thực hiện chứng từ CTNH và báo cáo CTNH với các cơ quan quản lý nhà nước. Công ty đã có nhiều giải pháp cải tiến: Đầu mới thiết bị, sử dụng nước tuần hoàn, đầu tư hệ thống xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn nước khi thải ra môi trường, tổ chức phân loại rác thải và thu gom theo đúng quy định, sắp xếp cải tiến công tác 5S theo tiêu chuẩn TOYOTA, triển khai giải pháp tiết kiệm giẻ lau, tiết kiệm điện

nước và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 14000./ *The Company manages solid waste and hazardous waste in accordance with regulations, including issuing hazardous waste manifests and submitting required reports to state management agencies. Various improvement initiatives have been implemented, such as equipment upgrades, use of water circulation systems, investment in wastewater treatment systems that meet discharge standards, sorting and collecting waste in compliance with regulations, improving 5S activities according to TOYOTA standards, adopting cloth rag and utility-saving measures, and complying with ISO 14000 standards.*

Về tiêu thụ nước: Công ty sử dụng nước để làm nguội dầu, khuôn nhựa và sinh hoạt hàng ngày cho người lao động. Riêng nước làm nguội dầu, khuôn được công ty sử dụng tuần hoàn, tổng lượng nước tiêu thụ công ty mẹ năm 2024 là 79.230 m³/năm (217 m³/ngày.đêm)./ *Water Consumption: The Company uses water for cooling oil, plastic molds, and daily activities for employees. Cooling water is circulated. In 2024, total water consumption by the parent company was 79,230 m³/year (equivalent to 217 m³/day).*

Về năng lượng điện dùng cho sản xuất công ty tiêu thụ 11,38 triệu Kwh. Để tiết giảm năng lượng tiêu thụ, công ty đã triển khai một số biện pháp sau: Hệ thống đèn chiếu sáng được quy định bật theo giờ và theo mùa, thay thế dần chiếu sáng bằng đèn Led thay cho đèn cao áp, đã thay thế đèn Led cho 01 phân xưởng sản xuất, tận thu khí nóng từ các máy sấy nguyên liệu quay vòng trở lại, đầu tư các ép nhựa chạy điện (Hybrid) thay cho các máy dầu để tiết kiệm điện năng, triển khai đo nhiệt độ nước tuần hoàn để không chế thời gian hoạt động của các bơm và quạt làm mát....đưa ra các quy định; ra khỏi phòng tắt các thiết bị điện không cần thiết.../ *Electricity Consumption: In 2024, electricity consumption for production reached 11.38 million kWh. To reduce energy usage, the Company implemented several measures: scheduling lighting based on time of day and season, gradually replacing high-pressure lamps with LED lights (fully implemented in one workshop), recovering hot air from material dryers for reuse, investing in electric (Hybrid) plastic injection machines to replace oil-powered machines, monitoring the temperature of circulating water to control pump and cooling fan operation time, and enforcing policies such as switching off unused electrical equipment when leaving rooms.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Labor-Related Assessment:*

- Quan tâm chăm lo cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Trang bị hệ thống thông gió cho nhà xưởng, cải tạo hệ thống nhà vệ sinh, cải tạo nhà ăn/ *Regularly improves working conditions for employees, including installing ventilation systems in workshops, renovating restrooms, and improving canteen facilities.*
- Đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập bình quân 15,6 trđ/người/tháng/ *Employment is ensured with an average monthly income of VND 15.6 million per person.*
- Thực hiện đóng bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật/ *Social insurance is fully provided in accordance with legal regulations.*
- Thực hiện đúng các quy định về trang cấp bảo hộ lao động cho người lao động/ *Personal protective equipment is issued to employees as prescribed by law.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/

Assessment of Corporate Social Responsibility Toward the Local Community.

Phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi Công ty đặt trụ sở đảm bảo vấn đề an ninh trật tự và an toàn giao thông, tích cực tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào khuyến học, ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương./ *The Company maintains strong coordination with local authorities to ensure public security and traffic safety. It actively participates in social movements such as "Gratitude and Remembrance," educational support campaigns, and gives priority to recruiting local workers.*

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ ASSESSMENT ON THE COMPANY'S OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTOR

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessment of the Board of Director on the Company's activities, which includes assessment related in environmental and social responsibility.*

Năm 2024 mặc dù kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi tuy nhiên việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài và trong cùng hệ thống nhà cung cấp cho các công ty lớn; các khách hàng lớn yêu cầu giảm giá bán... nên để đảm bảo sức cạnh tranh, Ban điều hành công ty đã đề ra rất nhiều giải pháp nhằm tiết giảm chi phí: cải tiến công đoạn nhằm nâng cao năng suất chất lượng, đưa ra nhiều giải pháp quản lý vật tư chính, phụ liệu, văn phòng phẩm nhằm quản lý chặt chẽ trong khâu sử dụng và tái sử dụng, các loại bao bì, thùng đựng cũng được quản lý chặt chẽ tránh thất thoát, giảm chi phí để đảm bảo duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra nhằm đáp ứng cam kết bảo vệ môi trường, không xả thải nguy hại ra môi trường xung quanh, Công ty đã duy trì hệ thống xả thải đáp ứng kiểm soát lưu lượng xả thải 200 m³/ ngày đêm.

In 2024, although the economy showed signs of recovery, the Company faced fierce competition from both domestic and foreign enterprises, as well as from suppliers within the same supply chain for major corporations. Large customers also requested price reductions. To maintain competitiveness, the Company's Executive Board implemented various cost-saving measures: process improvements to enhance productivity and quality; tighter management of key materials, auxiliary supplies, and office stationery to ensure efficient usage and reuse; and stricter control over packaging and containers to minimize losses and reduce costs, thereby maintaining stable production and business operations. In addition, to fulfill its commitment to environmental protection and avoid discharging hazardous waste into the surrounding environment, the Company maintained a wastewater treatment system capable of controlling a discharge flow of 200 m³ per day and night.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành công ty/ *Assessment of the Board of Directors on the Company Executive Board's activities*

- Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty, đã tổ chức triển khai nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị. Đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành./ *The Board of Directors finds that the Executive Board has properly performed its functions, duties and powers according to the Company's Charter, and has seriously implemented the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders and the Resolutions and decisions of the Board of Directors. Ensuring compliance with current laws.*
- Đề nghị Ban điều hành tăng cường hơn nữa công tác đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận để đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD trong tương lai./ *The Board of Directors is requested to further strengthen the training of successor staff to meet the needs of future production and business*

development.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *The Board of Directors' plans and direction.*

- Tập trung nguồn lực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm mới hướng tới ngành công nghiệp ô tô và các thiết bị điện tử có hàm lượng giá trị cao cung cấp cho các hãng lớn, nhằm duy trì và phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tới./ *Focus resources on expanding production and business activities, developing new products targeting the automobile industry and high-value-added electronic components to major global manufacturers, aiming to maintain and strongly enhance business operations in the coming years.*
- Tiếp tục đầu tư thay thế MMTB, đầu tư bổ sung tay máy để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm./ *Continue investing in machinery and equipment upgrades, and install additional robotic arms to improve productivity and product quality.*
- Hướng tới tin học hóa công tác quản lý doanh nghiệp bằng việc triển khai phần mềm quản lý khuôn mẫu, phần mềm quản lý dự án, phần mềm QR code nhằm nâng cao hệ thống quản trị của Công ty và giảm thiểu lao động thủ công, tích hợp được hệ thống thống kê sản xuất linh hoạt, chính xác./ *Move toward digitalization of enterprise management by implementing mold management software, project management software, and QR code systems to enhance the company's management system, reduce manual labor, and enable a more flexible and accurate production data tracking system.*
- Chủ động phân tích diễn biến thị trường để đề ra các quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đáp ứng mục tiêu./ *Proactively analyze market trends to formulate appropriate policies and direct the Executive Board in executing strategies aligned with business objectives.*
- Xây dựng kế hoạch triển khai để đưa Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội thành Tổng công ty với quy mô lớn hơn và đa dạng loại hình sản phẩm hơn nữa./ *Develop an implementation roadmap to transform Hanoi Plastics Joint Stock Company into a corporation of larger scale and greater product diversification.*

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ COMPANY GOVERNANCE

1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors:*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Danh sách TV HĐQT, tỷ lệ sở hữu CP, nêu rõ thành viên độc lập và các TV khác, số lượng, chức danh TV HĐQT, chức danh quản lý của từng thành viên./ *Members and structure of the Board of Directors: List of Board members, shares ownership ratio, specifying independent members and other members, number, title of Board members, management title of each member.*

STT No.	Họ và tên Name	Chức danh HĐQT Position in BOD	Chức danh quản lý Position in Management	Số lượng/ No. of Shares	Tỷ lệ sở hữu CP Ownership ratio
1	Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT/ Chairman	-	0	0%
2	Ngô Văn Thụ	TV HĐQT từ 16/5/2024/ Board member since May 16, 2024	Tổng giám đốc/ General Director	0	0%
3	CHO YOON	TV HĐQT độc lập từ	-	0	0%

STT No.	Họ và tên Name	Chức danh HĐQT Position in BOD	Chức danh quản lý Position in Management	Số lượng/ No. of Shares	Tỷ lệ sở hữu CP Ownership ratio
		21/4/2023/ Independent member since April 21, 2023			
4	Hòa Thị Thu Hà	TV HĐQT không điều hành / Non-executive member	-	0	0%
5	Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT từ 8/12/2021/ Member since Dec 08, 2021	Phó Tổng giám đốc/ Deputy General Director	4.400	0,006%

- b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: Công ty chưa thành lập Tiểu ban/ Subcommittees under the Board of Directors: The Company has not established any subcommittees.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đánh giá hoạt động của HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp, nội dung và kết quả các cuộc họp/ Activities of the Board of Directors: Evaluate the activities of the Board of Directors, specifying the number of meetings, content and results of the meetings.

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung thông qua Content	Kết quả Result
1	17/2024/NQ-HĐQT	30/01/2024	NQ HĐQT thông qua giao dịch giữa công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2024./ Resolution of the Board of Directors approving transactions between the company and related parties arising in 2024.	Nhất trí 100% 100% In favor
2	44/2024/NQ-HĐQT	01/03/2024	NQ HĐQT miễn nhiệm KTT đối với ông Đỗ Anh Tuấn và bổ nhiệm bà Phạm Thị Nga làm KTT kể từ ngày 01/3/2024/ Resolution of the Board of Directors to dismiss Mr. Do Anh Tuan as Chief Executive Officer and appoint Ms. Pham Thi Nga as Chief Executive Officer from March 1, 2024	Nhất trí 100% 100% In favor
3	141/2024/NQ - HĐQT	26/03/2024	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024/ Convening the 2024 Annual General Meeting of Shareholders and closing date for the list of shareholders attending the 2024 Annual General Meeting of Shareholders	Nhất trí 100% 100% In favor
4	141/2024/NQ-HĐQT	25/04/2024	NQ HĐQT về thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2024/ Resolution of the Board of Directors on the time to organize the 2024 Annual General Meeting of Shareholders	Nhất trí 100% 100% In favor

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung thông qua <i>Content</i>	Kết quả <i>Result</i>
5	278/2024/NQ- HĐQT	14/06/2024	NQ HĐQT v/v trả cổ tức năm 2023 bằng tiền/ <i>Resolution of the Board of Directors on paying 2023 cash dividends</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>
6	293/2024/NQ- HĐQT	19/06/2024	NQ HĐQT v/v lựa chọn DN kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2024/ <i>Resolution of the Board of Directors on selecting an auditing company for financial statements in 2024</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>
7	289/2024/NQ- HĐQT	20/6/2024	NQ HĐQT v/v thay đổi người phụ trách quản trị công ty (Ms. Thủy)/ <i>Resolution of the Board of Directors on changing the person in charge of corporate governance (Ms. Thuy)</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>
8	369b/2024/NQ- HĐQT	30/7/2024	NQ HĐQT v/v thông qua kết quả HĐ SXKD 6 tháng đầu năm 2024/ <i>Board of Directors resolution approving the results of production and business activities in the first 6 months of 2024</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>
9	469/2024/NQ- HĐQT	03/10/2024	NQ HĐQT về việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường năm 2024/ <i>Resolution of the Board of Directors on convening the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>
10	530/2024/NQ- HĐQT	01/11/2024	NQ HĐQT về việc thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 và thông qua tài liệu đại hội/ <i>Board of directors resolution on the time and location of the first extraordinary general meeting of shareholders in 2024 and approval of meeting documents.</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>
11	554/2024/NQ- HĐQT	21/11/2024	NQ HĐQT về việc điều chỉnh nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024/ <i>Board of Directors resolution on adjusting the content submitted to the first extraordinary general meeting of shareholders in 2024.</i>	Nhất trí 100% <i>100% In favor</i>

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập/ *Activities of independent members of the Board of Directors:*

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch theo đúng định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra, thực hiện đúng vai trò trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc tìm kiếm phát triển thị trường, đầu tư đổi mới công nghệ nên đã góp phần giúp công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2024/ *Activities of independent members of the Board of Directors: Independent members of the Board of Directors have performed their roles well in implementing programs and plans in accordance with the strategic orientation set forth by the General Meeting of Shareholders, properly performing their roles and responsibilities in directing and supporting the Board of Directors in seeking market development and investing*

in technological innovation, thereby contributing to helping the company complete its tasks in 2024.

- Hoạt động của các tiểu ban: Công ty không thành lập Tiểu ban nên không có hoạt động của các Tiểu ban./ *Activities of subcommittees: The company did not establish a subcommittee, so there were no activities of the subcommittees.*
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm./ *List of members of the Board of Directors with corporate governance training certificates. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance programs during the year*
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không./ *List of members of the Board of Directors with corporate governance training certificates: No*
- Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm./ *List of members of the Board of Directors participating in corporate governance programs during the year:*
- + Hội nghị phổ biến các sai sót khi lập và trình bày BCTC của các công ty đại chúng, công ty niêm yết nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên thị trường chứng khoán./ *Conference to disseminate errors in preparing and presenting financial statements of public companies and listed companies to improve the quality of information on the stock market.*
- + Hội thảo triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2024./ *Conference on macroeconomic outlook for 2024.*
- + Tham gia các khóa đào tạo cập nhật văn bản pháp luật do Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức./ *Participate in training courses to update legal documents organized by the State Securities Commission.*

2. Ban kiểm soát/ Board of Supervisors

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Danh sách, tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *Members and structure of the Board of Supervisors: List, ownership ratio of voting shares and other securities issued by the company:*

STT No	Họ và tên Name	Chức danh Position	Số lượng Shares	Tỷ lệ sở hữu Ownership%
1	Trần Hoa Tùng	Trưởng ban BKS/ Chairman	0	0
2	Đỗ Thảo Quyên	TV BKS / Member	0	0
3	Phan Thị Quỳnh Trang	TV BKS/ Member	0	0

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát/ Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, Executive Board and Supervisory Board

- a) Lương, thưởng, thù lao. Các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý./ *Salary, bonus, remuneration. Benefits of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, General Director and management personnel.*

Thu nhập của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2024 / *Income of the Board of Directors, Board of Supervisors, and General Directors in 2024*

Đơn vị: đồng/ Unit: VND

STT No.	Họ và tên Name	Chức danh Position	Tiền lương 2024 Salary 2024	Tiền thù lao năm 2024 2024 Com- pensation	Tổng thu nhập Total Income
1	Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT từ ngày 21/4/2023 <i>Chairman of the Board of Directors since Apr 21, 2023</i>	0	120.000.000	120.000.000
2	Ngô Văn Thụ	TV HĐQT từ ngày 16/5/2024; TGD từ ngày 10/10/2023/ <i>Board member since May 16, 2024 General director since Oct 10, 2023</i>	0	30.000.000	30.000.000
3	Hòa Thị Thu Hà	TV HĐQT không điều hành/ <i>Non-executive board member</i>	0	72.000.000	72.000.000
4	Cho Yoon	TV HĐQT độc lập bổ nhiệm 21/4/2023 <i>Independent board member since Apr 21, 2023</i>	0	72.000.000	72.000.000
5	Đỗ Thị Hương Giang	TV HĐQT điều hành bổ nhiệm 08/12/2021/ Phó tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 21/4/2023 <i>Executive board member since Dec 08, 2021 Deputy general director since Apr 21, 2023</i>	1.106.406.986	72.000.000	1.178.406.986
6	Lâm Thị Hiền	Phó TGD bổ nhiệm ngày 31/12/2023 <i>Deputy general director since Dec 31, 2023</i>	798.209.568	0	798.209.568
7	Trần Hoa Tùng	Trưởng ban BKS <i>Head of the Board of Supervisors</i>	0	60.000.000	60.000.000
8	Tạ Phúc Tâm	TV BKS đến ngày 16/5/2024	83.279.100	15.000.000	98.279.100

		BoS member till May 16, 2024			
9	Đỗ Thảo Quyên	TV BKS từ ngày 16/5/2024 BoS member since May 16, 2024	0	21.000.000	21.000.000
10	Phan Thị Quỳnh Trang	TV BKS từ ngày 16/5/2024 BoS member since May 16, 2024	0	21.000.000	21.000.000

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: TV HĐQT, BKS, TGD, PTGD, KTT, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng trên./ *Stock transactions of internal Personnel: Board of Directors, Supervisory Board, General Director, Deputy General Director, Chief Accountant, Company Secretary, major shareholders and those related to the above subjects.*
- Ngày 04/04/2024 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 4.000.000 CP, số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 11.160.308 CP, tỷ lệ sở hữu là 15,31%/ *On April 4, 2024, An Phat Holdings (major shareholder of NHH) conducted a transaction to sell 4,000,000 shares, the number of shares held after the transaction was 11,160,308 shares, ownership ratio was 15.31%.*
 - Ngày 27/09/2024 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 11.160.308 CP, số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 0 CP, tỷ lệ sở hữu là 0%/ *On September 27, 2024, An Phat Holdings (major shareholder of NHH) conducted a transaction to sell 11,160,308 shares, the number of shares held after the transaction was 0 shares, ownership ratio was 0%.*
 - Ngày 27/09/2024 Công ty CP Nhựa An Phát Xanh (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch mua 11.160.308 CP nâng số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch lên là 45.732.822 CP, tỷ lệ sở hữu là 62,75%/ *On September 27, 2024, An Phat Bioplastics (a major shareholder of NHH) made a transaction to purchase 11,160,308 shares, increasing the number of shares held after the transaction to 45,732,822 shares, with an ownership ratio of 62.75%.*
- c) Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: Không có giao dịch/ *Transaction contracts with insiders: No transactions*
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty/ *Assessment of implementation of corporate governance regulations:*
- Công ty luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo đúng quy định pháp luật/ *The company always complies with corporate governance regulations in accordance with the law.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *FINANCIAL REPORT*

- BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán (đính kèm)/ *Audited consolidated financial statements for 2024 (attached)*
- BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán: vui lòng xem website: hanoiplastic.com.vn/ *Audited separate financial statements for 2024: disclosed on website hanoiplastic.com.vn*

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above
- Lưu VT HĐQT/ BOD
Office's archives.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY/ CONFIRMATION OF THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Đỗ Huy Cường

VI. Báo cáo tài chính/ Financial Report

1. *Ý kiến kiểm toán/ Auditors' opinions:* Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất./ *In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2024, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.*
2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên./ *Audited financial reports* (The audited annual financial statements include: Balance sheet; Business performance report; Cash flow report; Notes to the financial statements in accordance with the law on accounting and auditing. In case the company is required to prepare a consolidated financial statement or a general financial statement according to the law on accounting and auditing, the financial statement presented in the Annual Report is the consolidated financial statement and at the same time states the address for publishing and providing the financial statements of the parent company or the general financial statement or the financial statement of the superior accounting department.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 50

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 11 số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại sàn UPCOM từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 31 tháng 8 năm 2017. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH theo QĐ số 499/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	
Ông Cho Yoon	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên	
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Bà Phan Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Tạ Phúc Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Bùi Văn Hưởng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Ngô Văn Thụ – Tổng Giám đốc.

Bà Đỗ Thị Hương Giang được ông Ngô Văn Thụ ủy quyền ký báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 43/2024/HPC-UQ ngày 2 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ernst & Young Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12824744/68428246-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		835.183.275.843	833.749.782.499
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	191.950.270.642	68.340.657.663
111	1. Tiền		141.391.023.267	50.790.657.663
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.559.247.375	17.550.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		760.062.000	200.192.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		760.062.000	200.192.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		378.616.624.372	294.940.405.706
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	298.853.660.085	225.698.917.511
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	25.921.034.452	32.932.283.075
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	29	50.000.000.000	7.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.480.648.816	30.912.057.096
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(3.638.718.981)	(1.602.851.976)
140	IV. Hàng tồn kho	8	218.749.159.456	230.582.555.144
141	1. Hàng tồn kho		220.292.525.225	233.247.299.856
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.543.365.769)	(2.664.744.712)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.107.159.373	39.694.163.986
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	14.762.286.426	16.202.600.873
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.344.872.947	23.475.981.971
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	15.581.142
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.095.047.863.503	1.242.880.047.090
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.087.567.309	5.357.993.671
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	5.087.567.309	5.357.993.671
220	II. Tài sản cố định		828.896.685.347	798.732.153.906
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	764.654.249.637	723.455.269.424
222	Nguyên giá		1.638.307.185.351	1.508.242.011.291
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(873.652.935.714)	(784.786.741.867)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	56.808.705.545	68.631.827.666
225	Nguyên giá		69.632.760.488	80.861.261.462
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(12.824.054.943)	(12.229.433.796)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	7.433.730.165	6.645.056.816
228	Nguyên giá		17.164.966.365	16.211.789.411
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.731.236.200)	(9.566.732.595)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.533.607.401	1.908.654.472
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.533.607.401	1.908.654.472
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		117.453.931.611	299.132.386.348
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	117.453.931.611	182.778.073.609
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	116.354.312.739
260	V. Tài sản dài hạn khác		142.076.071.835	137.748.858.693
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	141.534.175.332	137.478.250.500
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	541.896.503	74.800.987
269	3. Lợi thế thương mại		-	195.807.206
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.930.231.139.346	2.076.629.829.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		573.685.486.036	703.411.896.251
310	I. Nợ ngắn hạn		511.697.586.717	666.286.577.823
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	151.502.988.335	126.460.714.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	11.074.253.824	20.890.314.563
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	19.713.181.099	9.476.493.621
314	4. Phải trả người lao động		25.057.547.792	22.163.048.875
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	29.760.842.941	24.260.845.667
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.479.824.889	2.000.154.598
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	244.959.596.102	448.650.974.237
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	26.149.351.735	12.384.031.512
330	II. Nợ dài hạn		61.987.899.319	37.125.318.428
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	61.987.899.319	37.125.318.428
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.356.545.653.310	1.373.217.933.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.356.545.653.310	1.373.217.933.338
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		728.800.000.000	728.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		728.800.000.000	728.800.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		327.962.683.602	327.962.683.602
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.417.059.302	13.417.059.302
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		285.545.590.690	279.045.243.670
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		227.692.200.765	184.891.708.688
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		57.853.389.925	94.153.534.982
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		820.319.716	23.992.946.764
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.930.231.139.346	2.076.629.829.589

Phạm Thị Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.098.726.472.452	2.040.961.680.650
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.821.019.812)	(1.676.922.497)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.096.905.452.640	2.039.284.758.153
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.706.260.890.180)	(1.736.658.116.472)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		390.644.562.460	302.626.641.681
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	32.026.200.197	36.269.307.014
22	7. Chi phí tài chính	24	(32.499.247.742)	(50.164.360.653)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(21.203.575.185)	(45.942.326.390)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	12	(65.324.141.998)	(5.486.986.323)
25	9. Chi phí bán hàng	25	(129.255.674.644)	(92.582.404.275)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(83.243.116.647)	(73.591.545.890)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		112.348.581.626	117.070.651.554
31	12. Thu nhập khác	26	3.336.091.731	5.088.405.237
32	13. Chi phí khác	26	(4.214.133.837)	(1.615.814.325)
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác	26	(878.042.106)	3.472.590.912
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		111.470.539.520	120.543.242.466
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(24.082.931.845)	(24.001.577.026)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.3	467.095.516	(298.412.403)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		87.854.703.191	96.243.253.037
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		86.009.421.420	95.126.012.037
62	20. Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát		1.845.281.771	1.117.241.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.180	1.098
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	1.180	1.098

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		111.470.539.520	120.543.242.466
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, hao mòn tài sản cố định vô hình, phần bổ tiền thuê đất trả trước và phân bổ lợi thế thương mại		107.615.606.434	110.772.493.394
03	Các khoản dự phòng/(hoán nhập dự phòng)		914.488.062	(363.806.619)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(265.444.275)	(450.056.865)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		56.098.519.538	(21.407.367.201)
06	Chi phí lãi vay	24	21.358.747.599	45.942.326.390
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		297.192.456.878	255.036.831.565
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(65.337.146.518)	189.363.608.374
10	Giảm hàng tồn kho		12.954.774.631	137.979.479.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		18.941.132.594	(183.479.626.480)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(6.116.105.917)	10.328.511.370
14	Tiền lãi vay đã trả		(22.007.677.332)	(46.196.944.418)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.279.942.344)	(35.032.922.912)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.321.662.996)	(10.251.547.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		221.025.828.996	317.747.389.510
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(138.500.262.248)	(48.578.902.991)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		21.132.077.297	2.349.410.170
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(224.681.877.000)	(426.212.477.263)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		497.553.206.245	142.705.928.767
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(53.000.000.000)	(65.135.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	21.700.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.938.424.081	15.139.830.681
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		134.441.568.375	(358.031.210.636)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		839.154.407.789	1.112.681.371.857
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.011.465.640.055)	(1.289.127.485.245)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(23.157.371.452)	(36.099.257.738)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.433.000.000)	(36.433.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(231.901.603.718)	(248.978.371.126)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		123.565.793.653	(289.262.192.252)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		68.340.657.663	357.140.742.117
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		43.819.326	462.107.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	191.950.270.642	68.340.657.663

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Ngà
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Xi nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 11 số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại sàn UPCOM từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 31 tháng 8 năm 2017. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH theo QĐ số 499/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.774 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.604 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4 công ty con) với thông tin cụ thể như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM (Công ty Viexim)	100%	100%	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
2	Công ty TNHH An Trung Industries (Công ty An Trung)	100%	100%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam (Công ty VMC)	100%	100%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
4	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (Công ty An Cường)	99,84%	99,84%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất

Công ty có một công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phóng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tái khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phóng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, cáo khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất giữa Công ty với Sở Tài nguyên và Môi Trường Hà Nội và với Ban Quản lý Khu Công nghiệp Công nghệ cao An Phát. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tái chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa và các sản phẩm phụ trợ liên quan. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên khu vực địa lý của việc bán hàng.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	450.816.710	157.757.768
Tiền gửi ngân hàng	140.940.206.557	50.632.899.895
Các khoản tương đương tiền (*)	50.559.247.375	17.550.000.000
TỔNG CỘNG	191.950.270.642	68.340.657.663

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 2,4 – 4,75%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,3 – 4,6%/năm).

Một số khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại của Nhóm Công ty đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	292.973.895.673	225.697.634.693
- Công ty TNHH Honda Việt Nam	92.387.160.181	77.464.116.736
- Chi nhánh Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam Hưng Yên	29.541.999.485	9.680.796.269
- Công ty TNHH Competition Team Technology (Việt Nam)	11.742.476.965	24.896.583.072
- Các khoản phải thu khách hàng khác	159.302.259.042	113.656.138.616
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.879.764.412	1.282.818
TỔNG CỘNG	298.853.660.085	225.698.917.511
Dự phóng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.239.403.981)	(1.183.057.476)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Black Horse America	16.003.328.000	-
Công ty TNHH Flooring Industries Limited Sarl	-	24.738.636.689
Các khoản trả trước khác	9.917.706.452	7.947.428.954
Trả trước cho các bên liên quan	-	246.217.432
TỔNG CỘNG	25.921.034.452	32.932.283.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	4.125.474.792	-	624.681.924	-
Đặt cọc, ký quỹ	100.444.667	-	4.811.923.657	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	165.074.322	-	14.938.625.434	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.089.655.035	(1.399.315.000)	10.536.826.081	(419.794.500)
TỔNG CỘNG	7.480.648.816	(1.399.315.000)	30.912.057.096	(419.794.500)
Trong đó:				
Phải thu khác từ bên khác	7.480.648.816	(1.399.315.000)	21.313.915.450	(419.794.500)
Phải thu khác từ bên liên quan	-	-	9.598.141.646	-
Dài hạn				
Đặt cọc, ký quỹ	5.087.567.309	-	5.357.993.671	-
TỔNG CỘNG	5.087.567.309	-	5.357.993.671	-

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Linh Phụng	1.679.082.108	-	1.690.082.108	507.024.632
Công ty TNHH Cơ điện tử Bách Khoa	1.399.315.000	-	1.399.315.000	979.520.500
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Trang trí Sinh Thái	560.321.873	-	-	-
TỔNG CỘNG	3.638.718.981	-	3.089.397.108	1.486.545.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1.911.811.576	-	2.854.927.825	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.617.529.820	-	110.619.487.264	-
Công cụ, dụng cụ	11.493.365.979	-	9.170.699.576	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.501.449.750	-	49.989.085.832	-
Thành phẩm	49.413.042.824	(1.543.365.769)	60.251.021.462	(2.664.744.712)
Hàng hóa	1.355.325.276	-	362.077.897	-
TỔNG CỘNG	220.292.525.225	(1.543.365.769)	233.247.299.856	(2.664.744.712)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.664.744.712	4.631.403.307
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	105.668.394	314.574.331
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm	(1.227.047.337)	(2.281.232.926)
Số cuối năm	1.543.365.769	2.664.744.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					Đơn vị tính: VND	
Nguyên giá:					Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu năm					7.227.855.510	1.508.242.011.291
- Mua trong năm	354.847.939.366	1.085.817.052.434			728.450.727	116.365.983.871
- Đầu tư xây dựng cơ bản	748.261.033	110.193.734.716				
- hoàn thành	2.485.271.953	13.512.219.511				15.997.491.464
- Thanh lý, nhượng bán	-	(30.341.997.132)			(611.900.000)	(32.767.167.839)
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	29.988.866.564			-	30.468.866.564
Số cuối năm	358.081.472.352	1.209.169.876.093			7.344.406.237	1.638.307.185.351
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	89.301.904.668	388.194.094.111			4.245.182.546	503.901.209.892
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm					5.671.920.331	784.786.741.867
- Khấu hao trong năm	140.102.167.705	605.708.912.747			550.713.129	94.818.533.305
- Thanh lý, nhượng bán	12.264.565.990	77.891.300.139			(584.067.073)	(12.276.926.051)
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(9.879.588.271)			-	6.324.586.593
Số cuối năm	152.366.733.695	679.914.501.531			5.638.566.387	873.652.935.714
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm					1.555.935.179	723.455.269.424
Số cuối năm	214.745.771.661	480.108.139.687			1.705.839.850	764.654.249.637
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	44.200.127.132	149.389.949.867			-	194.770.368.934

Một số tài sản cố định đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	79.961.261.462	900.000.000	80.861.261.462
- Thuê trong năm	19.240.365.590	-	19.240.365.590
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(29.988.866.564)	(480.000.000)	(30.468.866.564)
Số cuối năm	69.212.760.488	420.000.000	69.632.760.488
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	12.030.817.129	198.616.667	12.229.433.796
- Khấu hao trong năm	6.850.498.063	68.709.677	6.919.207.740
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(6.193.876.916)	(130.709.677)	(6.324.586.593)
Số cuối năm	12.687.438.276	136.616.667	12.824.054.943
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	67.930.444.333	701.383.333	68.631.827.666
Số cuối năm	56.525.322.212	283.383.333	56.808.705.545

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính. Các tài sản đi thuê theo hợp đồng thuê tài chính được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. Tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê tài chính, Nhóm Công ty có quyền được mua lại các tài sản đi thuê.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	16.211.789.411
- Mua trong năm	2.970.236.000
- Giảm khác	(2.017.059.046)
Số cuối năm	17.164.966.365
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	154.166.665
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	9.566.732.595
- Hao mòn trong năm	2.181.562.651
- Giảm khác	(2.017.059.046)
Số cuối năm	9.731.236.200
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	6.645.056.816
Số cuối năm	7.433.730.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Địa chỉ	Hoạt động chính
	Tỷ lệ vốn năm giữ, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (%)		
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	39,02	39,02	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	Sản xuất, mua bán bao bì và các sản phẩm nhựa khác

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm	188.255.000.000
Số cuối năm	188.255.000.000
Phản lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết	
Số đầu năm	(5.476.926.391)
Phản lỗ từ công ty liên kết	(65.324.141.998)
Số cuối năm	(70.801.068.389)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	182.778.073.609
Số cuối năm	117.453.931.611

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.234.951.293	11.888.301.988
Chi bảo hộ lao động	3.676.760.858	2.409.201.294
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.850.574.275	1.905.097.591
TỔNG CỘNG	14.762.286.426	16.202.600.873
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	110.808.039.983	114.308.535.515
Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.467.564.784	16.752.856.525
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	7.792.655.532	2.192.438.752
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.465.915.033	4.224.419.708
TỔNG CỘNG	141.534.175.332	137.478.250.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	133.746.209.381	133.746.209.381	116.166.078.394	116.166.078.394
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	12.976.023.910	12.976.023.910	13.404.373.776	13.404.373.776
- Phải trả người bán khác	120.770.185.471	120.770.185.471	102.761.704.618	102.761.704.618
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	17.756.778.954	17.756.778.954	10.294.636.356	10.294.636.356
TỔNG CỘNG	151.502.988.335	151.502.988.335	126.460.714.750	126.460.714.750

14.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	3.017.616.406	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	1.940.385.021	11.575.135.169
PowerNet Technologies Corp	1.089.830.559	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất khuôn Chu Lai Trương Hải	-	3.507.020.000
Người mua trả tiền trước khác	4.874.981.838	5.430.784.852
Trả tiền trước từ bên liên quan	151.440.000	377.374.542
TỔNG CỘNG	11.074.253.824	20.890.314.563

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.220.561.494	24.082.931.845	(13.279.942.344)	17.023.550.995
Thuế giá trị gia tăng	534.577.755	30.920.813.630	(29.112.722.867)	2.342.668.518
Thuế thu nhập cá nhân	144.353.628	3.546.699.571	(3.344.372.573)	346.680.626
Thuế nhập khẩu	148.681.384	1.745.022.749	(1.893.704.133)	-
Thuế, phí khác	2.428.319.360	2.909.018.680	(5.337.057.080)	280.960
TỔNG CỘNG	9.476.493.621	63.204.486.475	(52.967.798.997)	19.713.181.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lương	25.840.293.207	18.985.964.177
Chi phí phải trả khác	3.920.549.734	5.274.881.490
TỔNG CỘNG	29.760.842.941	24.260.845.667

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả tiền bồi thường	2.333.703.456	-
Phải trả ngắn hạn khác	270.951.072	329.610.534
Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan	875.170.361	1.670.544.064
TỔNG CỘNG	3.479.824.889	2.000.154.598

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	12.384.031.512	12.635.579.412
- Trích lập trong năm	15.086.983.219	10.000.000.000
- Sử dụng trong năm	(1.321.662.996)	(10.251.547.900)
Số cuối năm	26.149.351.735	12.384.031.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn								
Vay ngân hàng	19.1	387.680.994.485	387.680.994.485	1.074.777.764.400	(1.245.775.175.002)	692.396.717	217.375.980.600	217.375.980.600
Vay dài hạn đến hạn trả	19.2	15.449.899.464	15.449.899.464	20.623.925.464	(20.447.899.464)	-	15.625.925.464	15.625.925.464
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	19.3	16.520.080.288	16.520.080.288	16.369.656.996	(20.932.047.246)	-	11.957.690.038	11.957.690.038
Vay ngắn hạn các bên liên quan		29.000.000.000	29.000.000.000	58.184.019.400	(87.184.019.400)	-	-	-
TỔNG CỘNG		448.650.974.237	448.650.974.237	1.169.955.366.260	(1.374.339.141.112)	692.396.717	244.959.596.102	244.959.596.102
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn								
Vay ngân hàng	19.2	20.666.555.426	20.666.555.426	68.500.000.000	(40.989.847.664)	-	48.176.707.762	48.176.707.762
Nợ thuế tài chính	19.3	16.458.763.002	16.458.763.002	15.947.409.757	(18.594.981.202)	-	13.811.191.557	13.811.191.557
TỔNG CỘNG		37.125.318.428	37.125.318.428	84.447.409.757	(59.584.828.866)	-	61.987.899.319	61.987.899.319



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại và chịu lãi suất từ 2% đến 5.5%/năm. Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	USD		
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	70.729.674.011		Kỳ hạn vay 3 tháng đến ngày 25 tháng 2 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	Tin chấp
	44.429.004.329		Kỳ hạn khoản vay 6 tháng đến ngày 26 tháng 5 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	Máy móc thiết bị được sở hữu bởi Nhóm Công ty
	12.323.268.909		Bao gồm các khoản vay có kỳ hạn 9 tháng, ngày cuối cùng trả gốc là ngày 13 tháng 8 năm 2025.	Máy móc thiết bị được sở hữu bởi Nhóm Công ty
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam	32.479.346.135		Kỳ hạn vay 4 tháng đến ngày 28 tháng 3 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	Một số hợp đồng tiền ký quỹ, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại thuộc sở hữu của Công ty và Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh – công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	25.229.549.746		Kỳ hạn khoản vay 6 tháng đến ngày 5 tháng 6 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu	13.220.434.894	517.414	Kỳ hạn khoản vay 6 tháng đến ngày 29 tháng 11 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	Tài sản là thừa đất số 56, tờ bản đồ 86, phường Từ Minh, Thành phố Hải Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh - công ty trong cùng Tập đoàn
	12.643.018.065	494.815	Kỳ hạn vay 6 tháng đến ngày 31 tháng 3 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	6.321.684.511		Kỳ hạn vay 5 tháng đến ngày 28 tháng 4 năm 2025, lãi vay trả hàng tháng.	Khoản tiền gửi tại ngân hàng cho vay
TỔNG CỘNG	217.375.980.600			

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay dài hạn ngân hàng theo các hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại và chịu lãi suất từ 6,8% đến 8,37%/năm. Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Hải Dương	43.336.000.000	Kỳ hạn vay 60 tháng đến ngày 25 tháng 4 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng.	Nhà xưởng được sở hữu bởi Nhóm Công ty
	17.575.000.000	Kỳ hạn 60 tháng đến ngày 29 tháng 8 năm 2029, gốc vay trả 3 tháng một lần, lãi vay trả hàng tháng	Tài sản là thửa đất số 56, tờ bản đồ 86, phường Tử Minh, Thành phố Hải Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh - công ty trong cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam	2.891.633.226	Kỳ hạn vay 60 tháng đến ngày 21 tháng 4 năm 2027, lãi vay trả hàng tháng.	Một số máy móc thiết bị được sở hữu bởi Nhóm Công ty

TỔNG CỘNG

Trong đó:	63.802.633.226
- Vay dài hạn đến hạn trả	15.625.925.464
- Vay dài hạn	48.176.707.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuế tài chính

Chi tiết nợ thuế tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Khoản mục	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Đơn vị tính: VND
Các khoản nợ thuế tài chính	25.768.881.595	Lãi suất năm	6,5% - 6,9%
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.957.690.038		
Nợ dài hạn	13.811.191.557		

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	13.305.027.997	1.347.337.959	11.957.690.038	19.273.427.003	2.753.346.715
	14.703.836.182	892.644.625	13.811.191.557	18.287.514.446	1.828.751.444
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 đến 5 năm	28.008.864.179	2.239.982.584	25.768.881.595	37.560.941.449	4.582.098.159
TỔNG CỘNG					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu					Đơn vị tính: VND	
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	728.800.000.000	327.962.683.602	13.417.059.302	231.331.708.688	203.228.709	1.301.714.680.301
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	95.126.012.037	1.117.241.000	96.243.253.037
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(36.440.000.000)	-	(36.440.000.000)
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (**)	-	-	-	(972.477.055)	22.672.477.055	21.700.000.000
Số cuối năm	728.800.000.000	327.962.683.602	13.417.059.302	279.045.243.670	23.992.946.764	1.373.217.933.338
Năm nay						
Số đầu năm	728.800.000.000	327.962.683.602	13.417.059.302	279.045.243.670	23.992.946.764	1.373.217.933.338
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.009.421.420	1.845.281.771	87.854.703.191
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(14.913.042.905)	(173.940.314)	(15.086.983.219)
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(36.440.000.000)	-	(36.440.000.000)
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(28.156.031.495)	(24.843.968.505)	(53.000.000.000)
Số cuối năm	728.800.000.000	327.962.683.602	13.417.059.302	285.545.590.690	820.319.716	1.356.545.653.310

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 231/2024/NQ-DHCHĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5% mệnh giá vốn cổ phần (500 VND/cổ phiếu).

(**) Công ty và Công ty An Cường trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 231/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1404/2024/ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2024 của Công ty An Cường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	457.328.220.000	457.328.220.000	-	345.725.140.000	345.725.140.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	-	-	-	151.603.080.000	151.603.080.000	-
Cổ đông khác	271.471.780.000	271.471.780.000	-	231.471.780.000	231.471.780.000	-
TỔNG CỘNG	728.800.000.000	728.800.000.000	-	728.800.000.000	728.800.000.000	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	728.800.000.000	728.800.000.000
Số cuối năm	728.800.000.000	728.800.000.000

20.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022 (500 VND/cổ phiếu)	-	36.440.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023 (500 VND/cổ phiếu)	36.440.000.000	-
Cổ tức đã trả trong năm		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022 (500 VND/cổ phiếu)	-	36.433.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023 (500 VND/cổ phiếu)	36.433.000.000	-

20.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đang ký phát hành	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu đã phát hành	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu phổ thông	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu đang lưu hành	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu phổ thông	72.880.000	72.880.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm 2023: 10.000 VND). Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là NHH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	965.129	1.377.136

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty đang giữ hộ khách hàng một số lượng khuôn nhằm sản xuất sản phẩm nhựa. Do các khuôn giữ hộ thuộc nhiều chủng loại khác nhau, nên Nhóm Công ty không thuyết minh chi tiết số lượng và giá trị của các khuôn giữ hộ này.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.098.726.472.452	2.040.961.680.650
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.957.636.458.226	2.000.695.440.164
Doanh thu bán hàng hóa	124.081.564.057	27.903.984.243
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.620.458.360	11.957.611.952
Doanh thu khác	1.387.991.809	404.644.291
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.821.019.812)	(1.676.922.497)
Chiết khấu thương mại	(251.963.310)	-
Hàng bán bị trả lại	(78.683.864)	(1.334.621.674)
Giảm giá hàng bán	(1.490.372.638)	(342.300.823)
Doanh thu thuần	2.096.905.452.640	2.039.284.758.153
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	1.955.882.153.084	2.000.200.774.077
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	124.014.849.387	26.721.727.833
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	15.620.458.360	11.957.611.952
Doanh thu khác	1.387.991.809	404.644.291
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.074.715.902.054	2.012.681.243.557
Doanh thu đối với bên liên quan	22.189.550.586	26.603.514.596

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.164.872.969	24.864.691.516
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.603.992.260	11.404.615.498
Doanh thu tài chính khác	257.334.968	-
TỔNG CỘNG	32.026.200.197	36.269.307.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.592.548.071.341	1.704.923.354.090
Giá vốn của hàng hóa đã bán	107.227.935.200	27.231.461.554
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.117.470.152	6.108.035.912
Giá vốn khác	1.488.792.430	361.923.511
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.121.378.943)	(1.966.658.595)
TỔNG CỘNG	1.706.260.890.180	1.736.658.116.472

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.203.575.185	45.942.326.390
Lỗ từ bán khoản đầu tư trái phiếu	8.581.086.018	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.559.414.125	4.222.034.263
Chi phí tài chính khác	155.172.414	-
TỔNG CỘNG	32.499.247.742	50.164.360.653

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.526.999.921	80.602.380.748
- Chi phí nhân công	7.974.034.627	5.631.359.876
- Chi phí khấu hao	500.464.043	279.346.336
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	564.600.703	543.076.989
- Chi phí khác	5.689.575.350	5.526.240.326
TỔNG CỘNG	129.255.674.644	92.582.404.275
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	48.194.856.708	45.362.274.187
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.080.310.017	16.018.263.082
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.639.108.651	2.787.378.892
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.652.005.268	2.907.372.643
- Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	434.000.000	500.000.000
- Chi phí khác	7.242.836.003	6.016.257.086
TỔNG CỘNG	83.243.116.647	73.591.545.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.336.091.731	5.088.405.237
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	719.884.951	2.107.829.043
Tiền phạt hợp đồng	567.037.035	2.071.101.817
Bảo hiểm chi trả thiệt hại	258.020.850	-
Thu nhập khác	1.791.148.895	909.474.377
Chi phí khác	4.214.133.837	1.615.814.325
Các khoản phạt hợp đồng	2.362.140.220	479.344.694
Chi phí sửa chữa tài sản	560.000.000	-
Khác	1.291.993.617	1.136.469.631
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(878.042.106)	3.472.590.912

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	993.951.867.690	1.107.571.745.305
Chi phí nhân công	343.894.312.318	293.594.483.553
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính và phân bổ lợi thế thương mại	107.615.606.434	110.772.493.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.797.599.259	294.253.971.509
Chi phí khác	13.068.124.793	19.796.509.082
TỔNG CỘNG	1.798.327.510.494	1.825.989.202.843

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty VMC được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2022 đến năm 2025) và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034) cho hoạt động sản xuất khuôn.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm nay
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.498.281.677	23.590.256.993
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	584.650.168	411.320.033
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(467.095.516)	298.412.403
TỔNG CỘNG	23.615.836.329	24.299.989.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.470.539.520	120.543.242.466
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	22.294.107.904	24.108.648.493
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	924.813.314
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận phát sinh từ khấu lỗ của công ty con	372.115.149	3.685.990.900
Ảnh hưởng của điều chỉnh hợp nhất	557.349.991	(1.472.619.960)
Chi phí không được khấu trừ	4.211.528.596	171.450.808
Các khoản điều chỉnh khác	313.396.446	(379.602.015)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	584.650.168	411.320.033
Chi phí lãi vay không được khấu trừ từ những năm trước được khấu trừ năm nay	(2.761.531.231)	(3.150.012.144)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(1.955.780.694)	-
Chi phí thuế TNDN	23.615.836.329	24.299.989.429

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời liên quan đến lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	541.896.503	74.800.987	467.095.516	(298.412.403)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			467.095.516	(298.412.403)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Các công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2023	2028	18.429.954.500	-	-	18.429.954.500
2024	2029	1.860.575.746	-	-	1.860.575.746
TỔNG CỘNG		20.290.530.246	-	-	20.290.530.246

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020:

Các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay được chuyển	Chi phí lãi vay đã chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chi phí lãi vay không được chuyển	Chi phí lãi vay chưa chuyển tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2020	2025	49.093.410.713	(49.093.410.713)	-	-
2021	2026	4.663.733.793	(706.543.380)	-	3.957.190.413
2023	2028	4.624.066.571	-	-	4.624.066.571
TỔNG CỘNG		58.381.211.077	(49.799.954.093)	-	8.581.256.984

Các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với chi phí lãi vay vượt ngưỡng chưa được khấu trừ nêu trên do các công ty con chưa dự tính được chắc chắn các chi phí lãi vay này sẽ được khấu trừ trong tương lai tại thời điểm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm 2024 của Nhóm công ty bao gồm công ty mẹ, công ty liên kết và danh sách nhân viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ (*)</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên	Công ty cùng tập đoàn từ ngày 16 tháng 10 năm 2024
An Thanh Bicsol Singapore PTE., Ltd	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn
AFC EcoPlastics LLC	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết trong tập đoàn

Các thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như trình bày tại phần Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÀO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất	Chi tiền cho vay	-	85.500.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	-	90.100.000.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	43.400.000.000
		Mua hàng	6.786.000.000	7.882.176.916
		Mua tài sản	80.000.000	3.000.000.000
		Cổ tức	5.580.154.000	10.080.154.000
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	9.030.712	134.603.273
		Chi phí mua dịch vụ	92.451.489.341	61.192.780.097
		Bán hàng	600.000	37.091.667
		Mua hàng hóa dịch vụ	11.906.333.053	40.610.033.366
		Bán hàng	9.626.415.780	650.164.500
		Thu nhập khác	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ	Đi vay	21.184.019.400	-
		Trả gốc vay	21.184.019.400	-
		Chi phí lãi vay	484.315.866	-
		Cổ tức	17.286.257.000	17.286.257.000
		Bán hàng	4.367.180.857	24.589.769.969
		Đi vay	5.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty cùng tập đoàn	Trả gốc vay	27.000.000.000	-
		Mua hàng	2.838.917.482	15.643.216.326
		Chi phí lãi vay	211.917.809	166.356.164
		Bán hàng	270.613.599	846.957.118
		Thu nhập khác	50.893.401	65.700.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	123.418.000	178.125.839
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty cùng tập đoàn	Đi vay	-	20.000.000.000
		Trả gốc vay	-	20.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	19.726.027
		Đi vay	4.000.000.000	12.000.000.000
		Trả gốc vay	4.000.000.000	12.000.000.000
		Chi tiền cho vay	67.000.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Nhận lại tiền cho vay	24.000.000.000	700.000.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	3.704.461.890	2.652.044.812
		Lãi cho vay	400.268.494	324.473.972
		Bán hàng	38.219.955	23.210.000
		Chi phí lãi vay	8.547.945	38.867.123
		Mua dịch vụ	16.756.064.704	7.857.040.182
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ấn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	3.499.026	39.465.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ Phần Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa dịch vụ Đi vay Trả gốc vay Bán hàng	5.828.507.508 - 5.000.000.000 2.079.357	3.147.472.505 5.000.000.000 - 127.763.989
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong Tập đoàn	Nhận lại tiền cho vay Chi tiền cho vay Mua hàng hóa Bán hàng	- - - -	13.100.000.000 3.500.000.000 3.078.196.364 571.365.624
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết trong tập đoàn	Đi vay Trả gốc vay Bán hàng Mua hàng hóa dịch vụ Chi phí lãi vay	3.000.000.000 5.000.000.000 13.022.268 15.863.300 9.863.014	10.000.000.000 8.000.000.000 39.400.000 152.305.000 59.715.465
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết	Nhận lại tiền cho vay	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng Cho vay Nhận lại tiền cho vay Đi vay Trả gốc vay Lãi tài chính Nhận tiền từ bán trái phiếu	139.552.276 149.000.000.000 149.000.000.000 25.000.000.000 25.000.000.000 7.822.781.309 105.336.000.000	18.312.000 - - - - 471.953.831 -
An Thanh Bicsol Singapore PTE., Ltd	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa dịch vụ	-	5.201.596.400
AFC Ecoplastics LLC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	7.719.336.756	-
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên	Công ty cùng tập đoàn từ ngày 16 tháng 10 năm 2024	Chi tiền cho vay Nhận lại tiền cho vay Lãi cho vay	35.000.000.000 35.000.000.000 40.273.973	- - -

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua và bán hàng hóa, dịch vụ, đi vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng giữa các bên.

Ngoại trừ các khoản cho vay và đi vay chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ	Bán hàng hóa dịch vụ	5.750.832.636	361.368
Các bên liên quan khác		Bán hàng	128.931.776	921.450
TỔNG CỘNG			5.879.764.412	1.282.818
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Mã số 135)				
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	50.000.000.000	7.000.000.000
TỔNG CỘNG			50.000.000.000	7.000.000.000
(*) Khoản cho vay với kỳ hạn 12 tháng, không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 6% năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6,5%/năm).				
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả về dịch vụ cung cấp	15.663.122.767	6.154.700.311
Công ty Cổ phần Dịch vụ suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết trong tập đoàn	Phải trả về dịch vụ cung cấp	1.451.872.620	924.554.520
Các bên liên quan khác		Phải trả về mua hàng hóa, dịch vụ	641.783.567	3.215.381.525
TỔNG CỘNG			17.756.778.954	10.294.636.356

THUYẾT MINH BÀO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	80.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Cho Yoon	Thành viên HĐQT	72.000.000	48.000.000
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	30.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.178.406.986	953.078.100
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	798.289.568	-
Ông Bùi Minh Hải (*)	Chủ tịch	-	656.432.769
Ông Bùi Thanh Nam (*)	Thành viên HĐQT	-	1.462.911.700
Bà Phạm Thị Thanh Hiền (*)	Phó Tổng Giám đốc	-	806.881.400
Ông Kim Ki Min (*)	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
TỔNG CỘNG		2.270.696.554	4.103.303.969

(*) Đã miễn nhiệm.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động	200.279.100	365.334.500

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	86.000.867.176	95.126.012.037
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(15.086.983.219)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	86.000.867.176	80.039.028.818
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.880.000	72.880.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	72.880.000	72.880.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.180	1.098
- Lãi suy giảm	1.180	1.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 231/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1404/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2024 của Công ty An Cường.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu. Các bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty bao gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong nước; và
- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.449.750.063.914	647.155.388.726	2.096.905.452.640
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	1.449.750.063.914	647.155.388.726	2.096.905.452.640
Giá vốn bộ phận	1.224.800.920.259	481.459.969.922	1.706.260.890.181
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	224.949.143.655	165.695.418.804	390.644.562.460
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình			135.606.349.461
Tài sản cố định vô hình			2.970.236.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			15.997.491.464
Khấu hao			107.615.606.434
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	221.758.621.060	77.095.039.025	298.853.660.085
Tài sản không phân bổ			1.631.377.479.261
Tổng tài sản	221.758.621.060	77.095.039.025	1.930.231.139.346
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ			573.685.486.036
Tổng công nợ			573.685.486.036

Tài sản không phân bổ bao gồm toàn bộ các tài sản của Nhóm Công ty phục vụ cho các khu vực địa lý và được quản lý chung theo chính sách của Nhóm Công ty ngoại trừ các khoản phải thu của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND		
	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.400.042.896.458	639.241.861.695	2.039.284.758.153
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	1.400.042.896.458	639.241.861.695	2.039.284.758.153
Giá vốn bộ phận	1.210.628.705.300	526.029.411.172	1.736.658.116.472
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	189.414.191.158	113.212.450.523	302.626.641.681
Chi phí hình thành tài sản cố định			69.698.649.675
Tài sản cố định hữu hình			50.206.012.706
Tài sản cố định vô hình			2.253.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			17.239.636.969
Khấu hao			106.476.433.405
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	147.453.324.069	78.245.593.442	225.698.917.511
Tài sản không phân bổ	-	-	1.850.930.912.078
Tổng tài sản	147.453.324.069	78.245.593.442	2.076.629.829.589
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ			703.411.896.251
Tổng công nợ			703.411.896.251

Tài sản không phân bổ bao gồm toàn bộ các tài sản của Nhóm Công ty phục vụ cho các khu vực địa lý và được quản lý chung theo chính sách của Nhóm Công ty ngoại trừ các khoản phải thu của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất, nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	8.818.673.772	5.651.139.907
Từ 1 - 5 năm	24.670.172.903	11.845.468.903
Trên 5 năm	-	1.409.232.000
TỔNG CỘNG	33.488.846.675	18.905.840.810

Công ty cũng có các cam kết liên quan đến chi phí quản lý theo các Thỏa thuận đã ký liên quan đến quyền sử dụng đất cho các lô đất ở Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Hải Dương.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 563/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty, Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc tăng vốn góp vào Công ty An Trung và giảm vốn điều lệ Công ty VMC, 2 công ty con của Công ty. Tại ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty đã thực hiện góp thêm 100 tỷ VND vốn điều lệ vào Công ty An Trung, đồng thời thu hồi 100 tỷ VND vốn đầu tư tại Công ty VMC.

Theo Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 2 năm 2025 của Công ty, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thông qua việc giảm vốn đầu tư của Công ty và Công ty VMC tại Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát với tổng giá trị là 39.039.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 109/2025/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 2 năm 2025 của Công ty, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu của Công ty ra công chúng với giá trị dự kiến là 364.440.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn